

TRỊ TÂN

10A BAO: 95-97 CHANCEAULME-HANG

Mục lục

- | | |
|---|---------------------|
| * Bình-giả với người bị phê-bình | Hoa-Bàng |
| * Phan-thanh-Giản (1796-1867) | Khuông-Việt |
| * Thân oan cho Lý-Bạch và Khuất-Nguyên... | (Thái-Can |
| * Chu-văn-An | Nhật-Nham |
| * Những ông Nghè triều Lê (XCIV) | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Một quyển sách nói về Bà Trưng | Ung-hòe |
| * Hương-dương | Ngân-Giang |
| * Dịch thơ cò | Nguyễn hữu Tri dịch |
| * Bốn năm trên đảo Các-Ba (IV) | Vân-Đài |
| * Nguyễn-văn-Giải | Dương-tự Quán |
| * Tài liệu để đính chính những bài vào cò (LXV) | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Đại nam dật sự (XLI) | Ung-hòe |
| * An-Tư, tiền tòng thất (X) | Nguyễn-huy-Tướng |

0 \$ 50

BÌNH - GIẢ VỚI NGƯỜI BỊ PHÊ - BÌNH

HOA-BÀNG

Khi còn sinh-thời bạn Lê Thanh, bạn tôi thường hay viết những bài phê-bình về văn-học này khác. Có lần, bạn tôi nói đùa với tôi: « Có lẽ rồi đây chúng ta không dám làm việc phê bình nữa, vì khen không sao, chứ động chêm một tý thì người ta giận! » Tôi liền đáp lại bằng giọng lí-huớc: « Nếu thế, từ này, nên gọi Lê Thanh là nhà sợ phê bình! »

Câu ấy của bạn tôi tuy có vẻ « nói chơi », nhưng không phải không có duyên-cớ...

Là vì ở xứ ta, nhất là trong làng văn, ít người biết phục thiện. Tôi nói « ít » thôi, chứ tựu trung không phải không có.

Có một hạng người, vì háo hức danh, háo cật lợi, lại có một lòng kiêu-ngạo không bờ-bến, tưởng tên tuổi mình cần phải được dài thọ với non sông, nên cố làm những việc vượt quá sức mình, tung ra đời một mớ « giấy trắng mực đen » để hồng được liệt vào hàng « bất hủ » trên đài vinh quang của nước Đại Việt.

Rồi cái mớ tạm gọi là « tác-phẩm » ấy bị người ta lôi ra phê-bình, chỉ rõ cho thấy những cái lầm lẫn sai xuyến.

Thế là cơn thịnh-nộ phùng-phùng nổi, những khí cảm bôn tức tới sùng-sục sôi trong dây lòng, họ liền đáp lại bằng một thái-độ « kém học-giả », bằng những lời lẽ khiếm-nhĩ không đáng có ở cửa miệng nhà văn.

Cao hơn thế, có hạng chịu đọc, chịu viết, viết ra những văn-phẩm cũng có giá-trị, muốn hướng-dẫn độc-giả đi theo con đường mà mình đã vạch. Dầu vậy, sự giữa ngọc tất phải nhờ đến đá núi, khúc gỗ vậy cũng cần dùng tới mực tàu. Vì một lẽ rất giản-đơn dễ hiểu này: người trong cuộc thường mê-mạn, khách ngoài vòng lay thấy rõ. Nếu không có sự thiết, tha, trặc, ma lẫn nhau, kêu chửi bới tức lẫn cho nhau, thì trong cõi học sẽ do đó mà mờ mịt tối-tăm, bởi dầu nấy được tia sáng chân lý nữa! Vì thế, trên đàn văn, cần phải có vị ngự sử. Mà người đóng vai ngự-sử này, hẳn phải buộc phải đàn bặc những cái nếu mình thấy rõ là không đúng, là sai lầm. Khen ư? Là vì chân-lý mà khen, vì học-thuật mà khuyến-kích. Chê ư? Cũng do công-tâm, do phần sự phải nhờ cổ lòng, vun lùa tới trong khu đất văn-hóa, chứ không hề vì một thế-lực gì sai khiến hoặc vì một tư ý gì mà lạnh-dộng.

Nhiều khi người bị phê-bình, vì lòng quá tự trọng hoặc quá tự phụ, không chịu bình tâm tĩnh khí mà nghe lời trung, phục lẽ phải. Vì thế trong giới văn-học ta, phần đông người « bị phê bình » thường hay ác cảm với linh-giả, một khi tác-phẩm mình « được » bình-giả chỉ giùm cho thấy những chỗ còn khuyết-diểm.

Đành rằng biên bực móng-mệnh, chúng ta mới chỉ là một

cái nân trong bờ bến, chứ mấy ai đã chới-với ra ngoài biển khơi mà dám tự phụ nói rằng mình vạn năng, mình tận thiện được! Nhưng, « Trăm hay chẳng bằng tay quen », và « Chẳng khôn, thế chệ lâu ngày... ». Ta nên nhớ rằng « kinh-nghiệm vượt hơn khoa-học » mà sự tương-trái của người hơn tuổi vẫn đáng quý đối với đám sinh sau.

Đáng buồn là, bây giờ, ít người chịu nghĩ như thế, nên một khi bị phê-bình, người ta thường tìm lối cách để « trả miếng » lại!

Một nhà học-giả có nói chuyện với tôi: Mình vì việc học mà phải viết, phải phê-bình; thế mà lắm người không hiểu, hoặc cố ý hiểu lầm rằng công-việc mình làm là hữu sở vị... Rồi thấy những chỗ « nói thẳng » trong bài phê-bình của mình, họ hết sức bất-bình, vội tìm những cách phát-tiết không chính đáng! Thời thế đủ thứ: lo dọa đánh, bỏ dọa trát bần bởi nợ! Nhưng dầu sao mặc lòng, ta cũng cứ thân-nhiệm, cứ làm việc cho học-thuật...

Tôi cười đáp:

— Cũng tôi cũng đã gặp những trường-hợp ấy. Người ta cũng đe dọa tôi bằng một động tác đáng sợ. Nhưng bao giờ tôi cũng cầm vững cán bút, bao giờ tôi cũng nhận chân những đức thiêng liêng cao quý của nghề văn.

« Dù ai nói ngả, nói nghiêng, Ta đây cứ vững như kiềng ba chân ».

H. B.

Nhân ngày giỗ :

Phan-thanh-Giản (1796-1867)

KHUÔNG VIỆT

Với tay xé tấm lịch, sực nhớ ngày giỗ một bức danh-thần cao-khiết, chúng tôi không dừng được không truy niệm người xưa.

Một nén hương, một bó hoa và một tấm lòng thành, kẻ hậu sanh này chỉ có thể thôi !

Và đây, để chia sẻ mối cảm-hoài cùng người nước, xin có vài dòng gửi tới « Tri Tân », nhờ chuyển thông khắp Bắc-Trung-Nam.

Ngày nay ngồi trước bức chon-dung cụ Phan-Tuân-Giản, làm sao khỏi nhớ lại ngày mồng bốn tháng bảy năm Đinh-mão (3 Aout 1867) là ngày cụ cụ « chén ngọt ngon mùi chính khí ».

Bảy mươi bảy năm qua !

Biết bao vật đổi sao dời mà tấm trung-can của Phan Lương-Khê vẫn rạng rỡ khắp trời Nam.

Ở đây, hà tất phải kể lại tiểu-sử của người, khi kẻ tri-thức từng cầm tay nhiều sách báo. (1)

Hương thơm thoang-thoảng, khói tỏa mờ mờ, ta hãy ngược dòng thời-gian, thả hồn theo gió, vào một gian nhà lá (2) tại Vĩnh-long thành, đang chứng kiến những phút cuối cùng của người « Thơ sinh già họ Phan ở góc biên nước Đại-Nam ». (3)

Ngày giờ đã chọn trước, nên buổi sớm ngày mồng hai, khi quan Pháp trình và bọn công văn xin ký nhận, Phan Kinh-Lực đã bảo « Mau đi ». (4)

Đi sở giờ rồi. Mọi việc sắp đặt ổn-thoả, rành mạch, từ cái hub-cửu, tấm minh-tĩnh tới tang phục của gia-quyển, tôi ở, qua lời dạy các con nên xử sự làm sao, cụ không quên một chi-tiết nào cả.

Ngày mồng bốn cái phút đợi chờ trong nửa tháng nay, từ cụ nhận ăn, đã tới rồi !

Vách đất mái tranh lều có cửa mở, chàng cái không k d đau thương bữa giáp nua !

Bao nhiêu gương mặt đều chuyển ra một vẻ. Bao nhiêu cặp mắt đều chói sáng một tia lửa. Đố ai đọc hết ý nghĩ trong đầu óc người đang đứng quanh mình cụ.

Bên trong lặng như tờ.

Ngoài vườn ri rào lá dừa cọ lá chuối như than thở cùng nhau

Một cảnh cỏ trắng lướt nhẹ trên Long-hồ giang chập chờn vài đợt sóng, tựa hồ bị rợn tiếc thương.

Gần mười một giờ, Phan-Tuân-Giản đã sẵn sàng bước sang thế giới khác, rón gòm hết sức tàn, thành kính bái vọng về Bắc-khuất.

Một tiếng nấc nhẹ trong buổi, cụ nhấc mày bất mã. Tim gan có thể nứt vỡ ; đầu óc có thể cháy bùng, nhưng tuyệt không được than với khổ.

Mười một giờ. Đỉnh trầm nhẹ tỏa một làn khói thơm. Phan Thanh-Giản sáng suốt, linh táo, nung chén thuốc độc, ngoảnh về phương Bắc, uống một hơi.

Qua hai giờ chiều, khi l'huân đã thần m hi được cho các quan Pháp bay. Quan tư-Linh Arsart, vị linh-

mục Marc và vàng lời thì chỉ còn đủ thì giờ từ biệt người trung-thần họ Phan của nước Việt. (5)

Kể cụ l n đi. Quan lương-y Le Couniat đầu có tái-bộ và tận tâm thế nào cũng không giành Phan-Tuân-Giản lại được với Tử thần. Thuốc phiện... gặp một cơ-tho tạo-môn vì nhận ăn và trau-uất thì đầu tay Biện-thước cũng chẳng làm gì được.

Trong đêm mồng năm, cụ thở hơi cuối cùng.

Đây cũng là một cái chết, nhưng không giống muôn ngàn cái chết khác. Đối với cái chết này, nước mắt và lời khóc than chỉ là thừa. Người chết đã, với cái phong-đo nhỏ nhoi, ung dung tự mình sắp đặt cái chết của mình. Chết để tránh nhục cho vua và cha ; chết mà kẻ nghị-b phải kính phục ái-mộ. Đó mới thật là cái chết của người sĩ quân-tử, không kém đứng anh hùng đa ngựa bọc thây.

Một cái chết đáng lưu lại muôn đời cho kẻ đi sau trông đó làm gương xử thế.

KHUÔNG VIỆT

(1) Xin kể sơ vài quyển sách và tạp chí về P.T.G. :

a) Thái hữn Võ. — Phan-thanh-Giản (g) truyện (1927).

b) P. Daudin et Lê văn-Phát. — Phan-thanh Giản et sa famille d'après quelques documents annamites. — Saigon - 1941.

c) Tr. Tân số 97-98 99 ngày 27 mai, 3 và 10 juin 1943.

d) Bulletin des Amis du Vieux Hué 1915. tr. 211-224.

e) Nam-kỳ tuế-báo, số đặc biệt 46, ngày 5 aout 1943.

(2) Tương truyền rằng sau khi giao thành Vĩnh long (20 juin 1867) Phan-thanh Giản rời dinh thự, ra ngụ một căn nhà lá nhỏ.

(3) Rút câu « Đại-Nam hải nhai lão thơ sinh tánh Phan chi cữu », trong lời trối của cụ Phan. Xem tạp chí Đại-Việt số 1 ngày 1er Octobre 1942, bài của Lê Táp Xán.

(4) Theo tạp chí Indochine số 166, ngày 4 Novembre 1943, trang 6.

(5) Theo tạp chí Indochine số 166, ngày 4-11-1943. tr. 6.

Thân oan cho Lý-Bạch và Khuất-Nguyên

Lý-Bạch và Khuất-Nguyên có phải nịnh thần không?

THÁI-CAN

*Khuất-bình từ phú huyện nhật nguyệt,
Sở vương đài tạ không sơn khảm!*

Lý-Bạch

Trong quyển *Thượng cổ sử Ai-cập*, trang 179, ông Nguyễn-dức-Quỳnh viết: «Độc những bài tán dương uy-danh các vị Pirâoui, ta chẳng khỏi nhớ đến những thiên tuyệt bút của bọn nịnh-thần như bọn Khuất-Nguyên, Lý thái-Bạch ở Trung-quốc...» Không ngờ hai nhân-vật sống cách nhau gần 800 năm đã bị họ Nguyễn đề chung vào một bị: nịnh-thần.

I. Lý-Bạch: — Tôi nghe rằng Thái-Bạch là một thi-sĩ «ngóng», chứ chưa hề nghe rằng Lý là một «nịnh-thần». Cái «ngóng» của Lý-Bạch có thể sánh với cái «ngóng» của Tản-Đà chẳng hạn, nhưng cái tài của Lý thời cao hơn cái tài của Tản-Đà muôn trượng. Các vương-công đời Đường có bao dung Lý-Bạch, cũng chỉ là ưa cái tài của Lý chứ không phải là vì cái văn thù tạc, nịnh-hót của Lý. Nếu muốn tìm thi-sĩ nịnh-hót thù tạc thì thiếu gì thi-sĩ khác trong văn thơ Tàu, mà ông Quỳnh lại chọn lấy Lý-Bạch, là đại-biểu cho hạng thi-sĩ «ngóng»! Xin nghe:

*Xử thế nhược đại mộng,
Hề vì lao kỹ sinh!*

*Sở dĩ chung nhật từ,
Đôi nhiên ngoại tiền dinh.
Giác lai miên đình tiền,
Nhất điều hoa gian minh.
Cầm chi dục thán-tức,
Đối chi hoàn tự khuynh.*

*Hạo ca dãi minh-nguyệt,
Khúc tận dĩ vãng tình!*

Nghĩa là: «Ở đời như một giấc mộng lớn, thì làm chi lao tâm lao lực vì sự sinh nhai! cho nên suốt ngày ta cứ say li-bì, rồi ngã lăn ra nằm trước cột, tỉnh dậy bỗng thấy mình nằm trước nhà; lắng tai nghe thì chim hót trong hoa. Thở hổn rằng: «Ngày này là ngày nào, mà chim oanh đã hót liêu?» Ta cảm xúc mà than-thở, rồi lại gục xuống. Rồi cứ hát ngao mãi tới trắng sáng, hát xong mà chẳng biết mình đã hát những gì!»

Bài thơ ấy là biểu hiệu cái «ngóng» của Lý, và cả của một phái thơ; mà người ta thích Lý cũng thích vì cái «ngóng» ấy. Còn các thi-sĩ nịnh-hót thù tạc thì đã lâu rồi không ai thèm đếm xỉa đến tên tuổi của họ. Theo một thuyết, thì cái chết của Lý cũng đặc sắc: một hôm, Lý say rượu, muốn ôm vầng trăng dưới sông, nhỡ sẩy chân ngã xuống nước mà chết! Cái chết ấy thực là «ngóng» đến tột bậc. Lý Bạch suốt đời nghèo nàn. Lý Bạch đâu được no cơm ấm áo mà sống, chết như một hạng giá áo túi cơm chỉ lấy văn-chương mà «làm dĩ» với đời. Vả chăng một thi-gia đương thời đã biểu dương cái tự-do phóng khoáng của Lý bằng mấy câu thơ bất-hủ:

Lý-Bạch nhứt đầu thi bách thiên,

Tràng-an thị thượng tửu gia-miên.

*Thiên-tử hô lai bất thượng thuyền,
Tự xưng: «Thần thị tửu trung tiên.»*

Nghĩa là: «Lý-Bạch uống một đấu rượu làm được một ngàn thiên thơ. Ngủ ở chỗ Trường-an, trên quán rượu; nhà vua gọi lại mà không chịu lên thuyền, tự xưng mình là «tiên trong Rượu!» Xem đó thì biết: Lý-Bạch là một kỳ-tài, «ngóng-nghe»; chứ không phải là một nịnh-thần, chỉ biết làm thi ca đề thủ phụng, ca-ngợi kẻ quyền-quí! Người ta có thể lấy bài «Thanh bình tam thủ» nói Lý nịnh Dương phi, nhưng không, đó cũng là loại thơ «mê gái» của một thi-sĩ «ngóng», như loại thơ gửi cho tình nhân của Tản-Đà đó thôi. Còn các bài thơ khác đều là giọng «ngóng» suốt cả.

II. — Khuất-Nguyên. — Còn Khuất-Nguyên? Theo ý ông Nguyễn-dức-Quỳnh, thì Khuất-Nguyên cũng là một «Nịnh-thần» đã làm những bài văn tuyệt bút v. v. . .! Đây, tôi xin dịch lại cả bài «Truyện Khuất-Nguyên» của Tư-mã Thiên, một đại-sử-gia đời Hán:

«Khuất-Nguyên tên là Bình, cùng họ với vua Sở, giúp vua Sở Hoài-vương. Biết nhiều mà chỉ

cũng, sáng suốt về việc trị, loạn, lại quen làm từ-lệnh. Vào cung thì cùng vua tham - nghị, ra thì ban-bổ hiệu-lệnh. Ở ngoài thì tiếp khách, ứng đối với chư hầu. Sở Hoài - vương rất tin cần; Thượng - quan đại - phu cũng một hàng, ghen ghét, tranh sủng-lộc và muốn hại cái tài của Khuất-Nguyên.

Một hôm Hoài - vương sai Khuất-Nguyên ra huấn-lệnh, Khuất-Nguyên làm tờ thảo chưa xong, Thượng-quan đại - phu thấy mà muốn giết, Khuất-Nguyên không che, nhân đó rồi. Thượng - quan đại-phu gièm cùng Hoài - vương : « Nhà vua sai Khuất - Bình làm huấn - lệnh, công chúng ai chẳng biết việc ấy. Thế mà mỗi khi một chính-lệnh ra, Bình khoe - khoang rằng đó là công mình mà nói rằng : « Không phải là ta thì ai làm nổi ! » Hoài - vương nghe lời, gièm pha ấy, mà xa Khuất-Nguyên. Khuất-Nguyên tức vua không mình, lời gièm pha che sự công bằng, lời tà khúc hại người ngay thẳng, má kẻ phượng-chính chẳng được làm hết trách - nhiệm : Cho nên ưu-sầu mà làm ra Ly-tao, Ly - tao là gì ? Là bị xa vua, không làm được việc nước, cho nên ưu-sầu. Ly-tao là Ly-ưu vậy.

Ôi ! Trời, cha mẹ là gốc của người. Người ta đến lúc cùng khổ thì đoán lại nguồn gốc. Cho nên khi lao khổ quỵên-cực, không khi nào là không kêu trời; đau đớn khổ sở không khi nào không kêu cha mẹ. Như Khuất-Nguyên, làm thẳng theo đường chính - đạo, hết sức trung-trực, dùng hết trí-năng để thờ vua, mà bị người gièm pha ly-gián, như thế có thể nói đã đến « cùng cực » vậy ! Làm

điều tin mà lại bị nghi, ở một lòng trung mà lại bị phi bả, mà không sinh ra lòng oán-hận hay sao ? Khuất-Nguyên làm ra Ly-tao đó, cũng là vì oán - hận mà làm vậy. Quốc-phong ham sắc đẹp mà không dâm, Tiên-nhã oán dề phi-báng mà không loạn. Như Ly-tao, có thể nói là gồm cả hai đức-tính của Quốc-phong và Tiên-nhã. Trên hết nói vua Đê-Cổ, dưới nói việc Tề-Hoàn, ở giữa kể việc Thương-Võ. Ly-tao thích tuế sự, làm rang cái vẻ rộng - rãi tôn - nghiêm của đạo-đức, cái mạch-lạc của sự trị-loạn; không có cái gì mà không xói đến. Văn của Ly-tao ngắn, lời của Ly-tao nhiệm, ý của Ly-tao trong sạch, hành vi trong Ly-tao liêm chính. Tuy văn xưng ra thì nhỏ, song cái ý-chỉ thì cực lớn; tuy nói thì cực gần, song sự xét thấy thì cực xa, cái chỉ trong Ly-tao trong sạch, cho nên các vật dẫn ra trong Ly-tao đầy vẻ thơm tho; sự hành - vi ở Ly-tao liêm-chính, cho nên lúc cuối mà Khuất-Nguyên không xa lìa ! Như con ve chưa lột xác, phải sống trong bùn lầy, mà lột xác ra thì thanh-khiết, bay liệng ngoài vòng trần ai, không hề nhuốm bụi bặm của trần thế. Thực ở bùn mà chẳng bị lấm bùn vậy. Suy chí ấy ra, thì mặt trời mặt trăng tranh ánh sáng cũng phải.

Khi Khuất - Nguyên đã bị truất, Tần muốn đánh Tề. Mà Tề với Sở lại thân-thích, cho nên Tần Huệ-vương lấy làm lo; bèn sai Trương-Nghi đến nhiều cửa, gửi con tin giả vờ theo Sở. Trương-Nghi nói : « Nước Tần tôi thậm ghét nước Tề, mà Tề với Sở lại thân-thích ; bây giờ nếu Sở thành thực

tuyệt giao với Tề, thời nước Tần tôi xin nạp 600 dặm đất Thương-ư cho Sở. Sở Hoài - vương sẵn lòng tham, lại nghe lời Trương-Nghi, bèn tuyệt - giao với Tề, rồi sai sứ sang Tần nhận đất. Trương-Nghi xảo-trá, nói : « Nghi này ước cùng nhà vua 6 dặm, chứ có phải 600 dặm đâu ! » Sứ-thần nước Sở giận lắm, bèn về kể chuyện lại cho Sở Hoài - vương nghe. Hoài-vương cả giận, bèn cử đại binh đánh Tần, Tần cũng cử binh chống lại; đại phá quân Sở ở đất Đan-tì-h; chém tám vạn đầu, bắt tướng Sở là Khuất-Cái; lại chiếm luôn đất Hán-trung của Sở; Hoài-vương bèn cử hết quân trong nước, kéo sâu vào nước Tần, mà đánh. Tần và Sở đánh nhau ở đất Lam-diêu. Nước Ngụy nghe tin ấy, cử quân đánh Sở đến đất Bạng, quân Sở sợ hãi, bèn từ Tần rút về, mà Tề lại giận không giúp Sở, quân Sở rất là khốn-đốn. Năm sau, Tần cắt đất Hán-trung để hòa cùng Sở. Sở nói : « Không nguyện được đất, chỉ nguyện được đầu Trương-Nghi mới cam tâm ! » Trương-Nghi nghe, bèn nói : « Lấy một cái đầu của Ngươi này, mà đổi được đất Hán-trung, thà xin đi qua Sở ! » Trương-nghi qua Sở, lại lấy rất nhiều vàng bạc dát lót cho Thượng-quan đại-phu là Cầu-Thượng; rồi lại đặt lời ngoa-biến làm cho được lòng người thiếp yêu của Hoài-vương là Trịnh-Tự. Hoài-vương nghe lời Trịnh-Tự bèn tha Trương-Nghi. Khi ấy Khuất-Nguyên đã bị gièm pha mà xa Hoài-vương; đương đi sứ ở Tề, bèn về can vua Hoài-vương, rằng : « Sao không giết Trương-Nghi ? » Hoài-vương hối-hận cho

(Xem tiếp trang 9)

CHU-VĂN-AN

KHẮT-NHAM

Tiên-sinh họ Chu, húy là Văn-An, tự là Linh-triệt, người làng Quang-Lập, huyện Thanh-dâm (nay là Thanh-trị), tỉnh Hà đông, nổi tiếng là một bậc cao khiết ở đời Trần.

Tính cương-trực và điềm đạm, không cầu danh lợi, chỉ cốt giữ gìn tiết tháo, tỏ đạo thản-biên và bất-xích dị-doan.

Ở nhà đọc sách, học rất tinh thần. Chỗ ở gọi là Văn-thôn, thu-thất lập trên một cái gò cao, trên đầm lầy trường dạy học. Xa gần nghe tiếng đều hăm mộ, kéo nhau tựu học rất đông. Các môn sinh về sau biên-đại cũng nhiều, có lắm người giữ những địa vị quan-trọng trong chính giới.

Niên-diệu Khai-thái (1324-1329), vua Trần Minh-tôn (1314-1329) nghe tiếng Tiên-sinh là bậc đại-lạc mô-phạm, bèn vời vào kinh làm Quốc-tử giám tư nghiệp, dạy Thái-tử học tập Đức-nghiệp của tiên-sinh làm khuôn mẫu cho một thời, người người suy trọng.

Minh-tôn làm vua đến năm Ất-tỵ (1329) thì nhường ngôi cho Thái-tử Vương, tức là Hiến-tôn, rồi về làm Thái-thượng-hoàng.

Hiến-tôn làm vua đến năm Tân-tỵ (1331) thì mất, trị vì được 13 ngày thọ 23 tuổi.

Hiến-tôn không có con, Minh-tôn thượng-hoàng lập người em là Hạo lên làm vua, tức là Giap-tôn (1331-1369).

Trong mười mấy năm đầu niên-hiệu Tựu-phong (1341-1357), tuy Giap-tôn làm vua, nhưng quyền

chính trị ở Minh-tôn thượng-hoàng quyết đoán cả, nên trong nước còn có trật-tự. Từ năm Đại-trị nguyên niên (1358) trở đi, Tương-hoàng mất rồi, các cựu thần không còn ai, vua Giap-tôn sinh ra hoang-dâm vô độ, chính sự ngày một suy đốn, kẻ gian-thần sinh ra kiêu ngạo.

Tiên-sinh thấy chính sự đồ nát, khuyên can vua và các bần Đổng-liêu không nghe, bèn dâng sớ xin chém 7 người nịnh-thầy đều là những kẻ quyền-thế hách-dịch lúc bấy giờ. Người đương thời gọi là « thất-châm sớ ».

Sớ dâng lên, vua không nghe, Tiên-sinh bèn cỡi ngựa, trả chức quan, trở về làng cũ.

Nhân ra chơi làng Kiệt-đạt, huyện Chí-linh, tiên-sinh thấy phong-cảnh u-nhã, núi non kỳ-xảo, bèn làm nhà trên núi Phụng-hoàng, tự hiệu là Tiểu-an. Đãi núi Chí-linh có 72 ngọn, trùng-trùng điệp-điệp, cây cối rườm rà thông-uất. Bên hữu là núi Phụng-hoàng, bên tả là núi Kỳ-lân. Trên núi Phụng-hoàng, có suối ngọt chảy ra thành nguồn, vòng quanh sườn núi, rồi chảy xuống một vực sâu, đọng lại, tạo thành đầm Miết, nước vừa trong, vừa ngọt. Qua đầm Miết, nước suối lại chảy quanh ra ngoài chân núi thông xuống sông Thanh-Lương.

Ôm bầu tiết-tháo, sống một cuộc đời nhàn-tản giữa chốn vắng vẻ, nhà sư thường nhai, vẫn hay một nhành tản bộ trong rừng thông bao-là bất-ngát hạp.

tiêu-dao trên một con thuyền, du ngoạn trên đầm Miết hay trong sông Thanh-Lương, ngâm thơ uống rượu làm vui. Những ngày đại triều hội, tiên-sinh thường được vời vào dự.

Vua Giap-tôn muốn dùng tiên-sinh làm tướng, nhưng tiên-sinh chối-từ, không chịu ra làm quan nữa.

Hiến-từ Thái-hoàng thả sếu rồi rằng : « Người ấy là bậc cao-sĩ, Thiên-tử không có quyền bắt làm tôi được; giao thế nào được chính sự cho người ta ? »

Vua sai nội-tử đem ban cho mũ áo, tiên-sinh nhận lấy, nhưng rồi lại đưa cho người khác. Thiên hạ đều khen là đạo-tính nghĩa rất cao.

Năm Kỷ-dạ (1339), vua Giap-tôn mất, không có con. Triệu-đình định lập Cung-dinh vương là anh Giap-tôn lên làm vua, nhưng Hoàng thái-bậu nhất-dịnh lập người con nuôi Cung-túc-Vương là Dương Nhật-Lễ.

Các quan tôn thất nhà Trần lợi nhau đem binh về bắt Nhật-Lễ giết đi, rồi rước Cung-dinh vương về làm vua, tức là Nghệ-tôn.

Tiên-sinh thấy quốc-tố sắp lật, lại được quân-tôn đón rước Nghệ-tôn lập làm vua, rất lấy làm mừng, bèn chống gậy về kinh yết-kiến; xong lại xin về điền lý, nhất quyết từ tạ không chịu nhận phong.

Vua Nghệ-tôn rất kính trọng, sai quan đưa tiên-sinh về lối nhà.

Không bao lâu, tiên-sinh mất ở nhà. Vua Nghệ-tôn sai quan đến dự tá, ban tiền thụy là Văn-Trinh công và hiệu là Khang-tiết (thần-sinh, cứu được tông sự vào bốn thập-vô đến Văn-miếu, ngang hàng với cả bậc tiên-nob).

Tiền sinh sự đạo rất long-trọng, học-mạo lại cương-ng nghiêm, nên học-trò bấy giờ coi tiền sinh như núi Thái-sơn, như sao Bắc-dầu, trọng, vọng và gung. Phạm-sư-Mạch, Lê-hà-Quát đã làm đến chức hành-kh, thế mà vẫn giữ phép học-trò: mỗi khi đến thăm thầy, đều đứng hầu dưới đất. Trong học-trò, ai có điều gì không phải, tiền-sinh lập tức quở mắng, đuổi đi ngay.

Nghiêm-ngự như thế, khiến ai cũng kính sợ; đức vọng lại cao khiến các công-khanh phải ngưỡng-mộ.

Thời bấy giờ, ông Tiền nguyên Đán hiệu Băng-hồ cư-sĩ, có tặng thơ rằng.

學海向瀾俗再醇

Học hải hồi lan tục lại thuần

上庠山斗得斯人

Thượng trường sơn đầu đắc tư nhân

窮經博史工夫大

Cùng kinh bác sử công phu đại

敬老崇儒政化新

Kinh lão sùng nho chính hóa tân

Dịch

Bề học ngàn-ngừa, tục lại hay.

Thái-sơn, Bắc đầu: có người này

Sử, kinh học rộng, công-phu lớn...

Kinh lão, tôn nho: chính mới đây.

(Hoa-Băng dịch)

Văn-Trình-Công có soạn Tiền ân thi-tập, Quốc-ngữ thi tập và Tứ thư thuyết ước. Về sau, bị người Minh thu cả sách-vở đời

Trần đem về Tần, nên ngoài mấy bài thơ như nọ ra, tác phẩm của tiền sinh không còn gì nữa!

Văn-Trình-công học-nghiệp thuần túy, tiết-tháo phong cao, người đương thời đều suy tôn, người hậu-thế cũng cảnh-ngưỡng; Trước sau đều xưng là đức-nghiệp của cho tông.

Ông Nguyễn công Thái đồ Tiến-sĩ, làm quan giám-sát lĩnh T. hệ-an đời Lê, soạn bài văn Gia-đối thờ Văn-Trình công vào năm Vĩnh-thịnh thứ ba (1707) đời vua Lê Giay-Tôn (1706-1729) nguyên-văn bằng chữ nho. Dưới đây xin sao-lục bản dịch ra quốc-văn.

Bài văn bia đến thờ ông Chu An

« Tiền-sinh họ Chu húy là An, người huyện Thanh-Đàm (1) xưa. Ở về đời Trần, trải bốn đời vua (2). Sau ẩn về ở núi Chí-linh: được phong tặng là Văn-Trình công và được tòng trí ở Văn-miếu. Đền này là chỗ thờ riêng ngài, tục truyền là nơi ngài gảng học khi xưa, mấy đời đều có gia-phong, đến nay thờ làm phúc-thần. Xưa có bia chép sự-tích ngài, song lâu ngày chữ đã mờ cả. Nay dân làng phụng thờ lại, đến xin tôi soạn lại. Tôi là kẻ hậu-sinh lại là người đồng hương, không dám vì mình còn thiển-vọng mà từ-cối. Vậy xin chấp tay làm bài tự này.

« Ôi! Người sĩ quân-tử Loren người là ở đều dốc đạo bền lòng, cử động theo nghĩa, không theo thói thường mà tự dối mình. Hễ bàn đến các bậc nho-sĩ nước Việt ta, chỉ có tiền sinh là đáng trọng hơn cả. Đương lúc làm quan, không tham danh lợi, bành

chật là cao! Những khi ở nhà, chăm giảng Kinh điển, học-thật là oai-lh! Lại đánh khải-phục nữa là đạo thầy rất mực tôn-nghiêm học trò nhiều người thành tựu. Cái ơn tiền-sinh giáo-tạo nên người thật là vô cùng vậy!

« Nôn-biểu Khai-thải (1324-1329) sau g. chưa tư-nghiệp, trông xem việc dạy Thái-tử làm mô phạm cho học-học-trò, danh tiếng đặt là trời-vội! Triều vua Thuận-phong (1341-1353), giặc Hồ quấy nhiễu, dâng tờ xin chém hầu-dã, làm rừng mình cả bộ-gian nhiễu, trung nghĩa thực là chối-lợi! Nói vua không nghe, liền từ chức lui về làng cũ. (Xem tiếp trang 21).

(1) Nay là huyện Thanh-tri (Hà-dông)

(2) Bốn đời vua: Trần-Minh-Tôn, Hiến-Đế, Giay-Tôn, Nghệ-Tôn.

ĐẠI CỐ BẢN

HOA MỘNG

của TƯỜNG VÂN

- 1) Thơ làm (có nhiều bài đặc-sắc, bi-ca, từ khúc v.v.)
- 2) Thơ dịch (có mấy bài đương-thời viết bằng bút lông rất tốt)
- 3) Thơ dịch Pháp đều (lựa những bài tuyệt-tác của Lamartine, Victor Hugo, Alfred Masset, Baudelaire, Verlaine, S. Prudhomme, Régner, Maeterlinck, Glesse de Niville, v.v.)

Ông Nguyễn triệu-Luật riêng chú-ý đến phần này mới khen dịch-giả (xem Tao-Đàn số 13 1939) có tài viết-hóa văn-chương Pháp như bà Nguyễn-Điễm (dịch Chinh-phục-Ngâm) có tài viết-hóa văn-chương Tàu. Ai muốn xem bài này xin gửi tiền 5\$10 cho Kiosque Thanh-Tao-Vinh.

Hỏi « Hoa-Mộng » ở các hiệu sách lớn.

BIAN VĂN MIÊU

NHƯNG ÔNG NGHĨ TRIỀU LÊ

36 94

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Khoa Mậu-thìn (1508) là năm thứ từ hiệu Đoan-khánh đời vua Lê Uy-Mục, thi tiến-sĩ vào hồi tháng hai, lấy đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ. Sau cấp-độ, đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân và đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân, cả thấy năm mươi tư ông.

Ba ông đỗ nhất giáp kê tên sau này:

1. — Nguyễn-giản-Thanh người làng Ông-mặc (Hương-mặc, ta thường gọi là làng Me), huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc (nay Bắc-ninh). Năm hai mươi tám tuổi đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cấp-độ đệ nhất danh (tức trạng-nguyên) khoa Mậu-thìn (1508) đời vua Lê Uy-Mục. Làm quan đến hàn-lâm-viện thị-thư, kiêm đồng-các đại-học-sĩ. Sau làm quan với Mạc, Mạc-dăng-Dung sai sang sứ Tàu cầu phong, lúc về được thăng Lễ-bộ thượng-thư, kiêm hàn-lâm-viện thị-độc, coi việc viện, tước Trung-phụ-bá, đến lúc chết, truy tặng tước hầu. Có tập thơ gọi là *Thương côn châu ngọc*, (sẽ tìm sau). Là con Nguyễn-giản-Liêm đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa 1487 (Dịch theo *Phụng khoa lục*, q. 2, tờ 5 a, và *Đại-Việt Đình-nguyên phát-lục*, sách viết của trường Bắc-cổ, số A 1263, tờ 20 b).

Đặng khoa bị khảo q. Kinh-bắc, tờ 32 b đến 33 b) chép « ông đỗ năm hai - mươi sáu tuổi. Đi sứ Tàu về, có công được thăng Lễ-bộ thượng-thư, kiêm hàn-lâm-viện

thị-giảng, coi việc viện.... Cha là Nguyễn-giản-Liêm cũng vì con, được phong ấm hàm thái-bảo.... Lúc bấy giờ Mạc-dăng-Dung thi nghênh, thiên-hạ đều biết tội, ông học sách thánh hiền, đỗ đến trạng-nguyên, quan đến đại-học.... thế mà theo Mạc để tham tước lộc.... tưởng ông Giản-Liêm có bết cũng chẳng lấy thế làm vinh ».

Đình-nguyên phát-lục, (tờ 21 a) có chép một chuyện rằng: « Lúc nhỏ ông đi học, có một hôm tan buổi học trở về, bị giới mưa. học trò không về được, thấy ra một câu đối rằng: « vũ-vo quan tỏa nắng lưu nhách » nghĩa là « mưa, không có cửa, có khóa mà giữ được khách lại ». Ông Giản-Thanh liền đối rằng: « Sắc bất phong ba dị nịch nhân » nghĩa là « Sắc đẹp, không có gió sóng mà dễ làm đắm người ta ». Thấy phê rằng: « thật là khí-tượng đại-khoa, nhưng lụy vì nữ sắc ». Có một người học-trò khác đối rằng: « Nguyệt hửn cung loan bất sạ nhân » nghĩa là « mặt trăng có cung cong nhưng không bắn người ». Thấy phê rằng: « tại không bằng Giản-Thanh, nhưng công danh được hoán toàn ». Về sau sự nghiệp của hai ông ấy quả nhiên như lời thầy đã phê. »

2. — Hứa tam-Tĩnh, người xã Như-nguyệt, (Đặng khoa bị khảo, chép là Vọng-nguyệt) huyện Yên-phong, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc, (nay Bắc-ninh). Năm ba mươi ba tuổi đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cấp-độ

đệ nhị danh (Đặng - nhữn) khoa Mậu-thìn (1508) đời vua Lê Uy-mục. Năm quý-dậu (1513) đang chức hàn-lâm-viện thị-thư, sung chức phó-sứ sang nhà Minh về việc tuế-cống. Lúc bấy giờ Mạc-dăng-Dung thi nghênh, các bầy tôi nhà Lê, có người bỏ chức quan mà đi, có người không chịu khuất mà chết, có người khởi binh cần vương, duy một mình ông không thế, khuất thân theo Mạc, làm đến Lễ-bộ thượng-thư năm 1538 cùng Nguyễn-văn Thái (đỗ thám-hoa khoa 1502) đem bầy của Mạc dâng Doanh sang nhà Minh xin hàng. Lại vì Mạc-dăng-Dung, sang sứ Tàu cầu phong, có công được thăng-thiếu-bảo, tước Đôn-giáo-hầu, về trí sĩ. (Đặng khoa lục, q. 2, tờ 5 a, và Đặng khoa bị khảo, q. Kinh-bắc, tờ 58 a).

3. — Nguyễn-hữu-Nghiêm, người xã Phúc-khê, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc (Bắc-ninh). Năm mười tám tuổi mới một lần đi thi đỗ ngay đệ nhất giáp tiến-sĩ cấp-độ đệ tam danh (thám-hoa) khoa Mậu-thìn (1508) đời vua Lê Uy-mục. Làm quan đến thượng-thư, kiêm coi việc viện hàn-lâm. Lúc bấy giờ Mạc-dăng-Dung lộng quyền tiếm-loạn, tể-hoàng Vương-Mãng Tào-Tháo, triều thần nhà Lê phần nhiều bắt buộc phải theo, thế mà ông vẫn giữ một lòng chính trực, thường thường cự-nhau với Đặng-Dung ở giữa chốn triều đường: Đặng-Dung căm giận lắm, mà không làm gì nổi. Năm nhâm-ngọ (1522) vua Chiêu-tông không chịu nổi những điều tàn-ngược của Đặng-Dung, mới ngự-ra ngoài thành, sai ông và ông Đàm-thận-Huy nhận tờ mật chiếu, về Bắc-giang khởi nghĩa cần vương. Hai ông chiêu dụ tướng-sĩ, khuyến khích bá-quân, cốt lấy trung nghĩa làm trọng, còn được

Thân oan cho...

(Tiếp theo trang 8)

người đuổi theo Trương Nghi, thì đã không kịp nữa. Sau chư-hầu họp nhau đánh Sở, đại phá quân Sở, giết tướng Sở là Dương-Muội. Khi ấy vua Tần là Chiêu-vương kết hôn cùng người Sở, muốn cùng vua Sở hội họp. Sở Hoài-vương muốn đi qua Tần, Khuất-Bình nói: «Nước Tần là loài hổ lang, nhà vua không nên đi thì phải». Con nhỏ của Hoài-vương là Tử-Lan thì lại tán thành khuyên vua đi, nói rằng nhà vua không có lễ gì mà lại cự-tuyệt sự mời mọc vui-vẻ của vua Tần. Sau rốt, Sở Hoài-vương qua Tần, đến Võ-quan thì

thua không kè, chỉ biết kè rõ cái tội của họ Mạc, đề chỉnh đốn quyền cương chấn triều đình, không ngờ thời thế không may, bị Mạc-dăng-Dang đánh thua. Đến mùa đông năm át-dậu (1525) Đặng-Dang lại ép vua Chiêu-tông về kinh, ông nghe biết tin ấy bèn lâu lút ở vùng Tam-nông, định lại khởi nghĩa để đánh Mạc, nhưng quân ít tướng yếu, bị Mạc-dăng-Dang bắt được, đóng cũi đưa về kinh sư. Đặng-Dang đem xe hành hình ông và con ông, khi ông bị buộc, nhan sắc không đổi, cười nói như thường, con ông nhể đến mười đời nhà Đặng-Dang, ông nói: «Phải trái đã có công thần của thiên-hạ, nói làm gì?». Lúc cha con ông mất, giới đất tôi tâm lại, ai ai cũng lấy làm thương. Đến đời Lê trung-hưng (1533-1548) bae phong những người tiết-nghĩa, ông được truy phong là trung-dương phúc-thần, lập đền thờ xuân thu quốc-tế người đời sau lấy làm vinh diệu (dịch trong *Đặng khoa lục*, q. 2, tờ 5 b, và *Đặng khoa bị khảo*, q. Kinh-bách, tờ 33 b 84 a).

(Còn nữa)

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tần phục quân triệt lối về, giam hãm Sở Hoài-vương để đòi chia đất. Hoài-vương giận lắm, không nghe, bèn chạy qua nước Triệu. Triệu không dung nạp, lại quay về Tần, rồi chết ở đất Tần, đem xác về chôn ở Sở. Coa trưởng là Sở Hạng-Tương-vương lên nối ngôi, em Tương-vương là Tử-Lan thì làm chủ lệnh-đoãn. Người nước Sở ghét Tử-Lan đã khuyên Hoài-vương qua Tần mà không được trở về nữa. Khuất-Bình lại càng ghét Tử-Lan.

Tay bị phóng-lưu, nhưng Khuất-Nguyên một-niên nghị đến nước Sở, lòng nhớ Hoài-vương, mà không người chỉ trở về, chỉ mong nhà vua (Tương-vương) biết hối-hận, và quần thần biết cải cách. Cho nên: vì lòng lo vua, thương nước, muốn trở về mà trong một thiếp Ly-tao ba bốn lần nói lại. Nhưng rốt cuộc cũng không làm sao được, (vua không hối quá, quần thần vẫn xu-uịnh), cho nên lại không trở về. Kè đã làm vua, không kè là trí hay là ngu, là hiền hay là bất-tiểu, ai lại không cần trung thần để giúp đỡ mình, ai lại không cần hiền-sĩ để phó tá mình; thế mà các vị đế-vương cứ bị nước mất nhà tan hoài, đó là tại sao? Chỉ vì tại người mà người ta gọi là trung đồ là bất-trung, người mà người ta gọi là hiền-đồ là bất-tiểu! Sở Hoài-vương không biết phân biệt trung thần, cho nên trong thì bị mê hoặc bởi ở Trịnh-Tự, ngoài thì bị lừa bởi ở Trương-Ngũ, và Khuất-Nguyên mà tin ở Trương-quan đại-phu, lệnh-đoãn Tử-Lan, thì bình thua đất mất (mất hết 6 quận), đến nỗi thân mình bị chết ở nơi đất khách, làm

một trò cười cho thiên-hạ! Đó là cái họa không biết dùng người vậy. Sách dịch có nói: «Giống che không uống, lòng ta buồn thay!» là lời nói của người tội lỗi, kìa đề cho ông vua sáng dùng; nếu dùng được người ấy thì thiên-hạ có phúc. Vua mà không sáng, có phải là phúc đó chăng?

Lệnh-đoãn Tử-Lan nghe rằng Khuất-Nguyên ghét mình, bèn khiển Trương-quan đại-phu vu-cáo Khuất-Nguyên với Tương-vương, Tương-vương giận, bèn đày đi. Khuất-Nguyên làm bài phú *Hoài-sa*, rồi mang đá, tự gieo mình xuống sông Mịch-la mà chết.

Cả một bài lịch-sử Khuất-Nguyên đó, Tư-mã Thiên đã «cải hệ» cho Khuất-Nguyên khỏi bị tiếng oan «nịnh thần» dưới ngòi bút ông Nguyên đời-Quỳnh. Trái lại Khuất Nguyên là một trung-thần, hơn nữa, Khuất-Nguyên là biểu-hiệu cho hạng trung thần, cũng như Lý-Bạch là biểu-hiệu cho hạng thi-sĩ «ngông».

Bộ Tân-văn-hóa ý tưởng thiên về duy-vật, biến đi từ kè cứng công-phu lẫn. Nhưng khi thì như biến đi ra một cách cấp bách quá, không khỏi cái họa «dục-tốc» được! Và hàng học-giả xứ ta có một cái thông bệnh: đã sở trường về cựu-học thì sai lầm về cách diễn giải có trật-tự quy-lũ: của dân tân-lạc; đã sở trường về tân-học thì cổ-lạc: lơ lơ, suy luận bừa bãi chạy coi về nhưng sự vật và nhân vật thời xưa. Hai cái khuyết điểm đó thực là đáng tiếc!

THAI-CAV (Paksô)

Một quyển sách nói về Bà Trưng

Ông-bà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ông Nguyễn Tố Mỹ mới biên khảo quyển *Hai bà Trưng khởi nghĩa* cho tủ sách « Tân văn hóa », tức là tập 40 và 41 của tập chí *Văn mới* ra ngày 25 tháng 3 này.

Một quyển sách 115-h-sử dày đến 238 tra g chép truyện một vị anh-hùng, mà biết dùng chữ « khởi nghĩa », thì ai chẳng thì h-đo-? Nhưng xét ra ông Mỹ làm không đúng với chữ « biên khảo » vì ông biên-chép thì sai lầm, k ảo cừu thì nhạ, làm phong-tục xử khác làm phong-tục xử mình.

Bởi vậy, lại phải phê-bình. Theo lệ thường, thì mỗi quyển chỉ viết một bài là đủ. Nhưng quyển này phải viết dài, ít nhất cũng phải viết làm hai bài, vì trong sách nói bảy nhiều quá: Nay hãy chữa những chỗ sai ở bài « tự luận ».

Mở đầu ông Mỹ, nói: « viết quyển sử này theo 3 lập luận... ». Đã gọi là viết sử thì phải chép tất cả những tài liệu đích-dàng, không nên thêm bớt chữ nào, rồi có ý-kến gì thì chép phụ vào, chứ không có thể « lập luận » trước; rồi mới chép sách sau; và lại đã gọi là chép sử, là chép theo sự thực, thì còn có lý luận gì mà lập mà theo?

« Lập luận thứ nhất » của ông Mỹ cho « cuộc khởi nghĩa của Trưng Vương là một giai đoạn bất khởi của phong trào dấy cấp đại quý tộc Giao chỉ bộ chống lại chế độ quận huyện tập trung của Hán triều ». Câu ấy tức là cuộc khởi nghĩa của Bà Trưng là một thời-lý tự nhiên nổi lên ở trong đám đại

quý-tộc Giao chỉ để chống lại chính-sách quận huyện của ng-rời Tàu. Ông Mỹ nói ông Patris và ông Đào-duy-Anh đã « lập luận như vậy ». Nhưng có phải thế đâu. Trong quyển *Essai d'histoire d'Annam*, 1er partie *L'antiquité et le haut moyen âge* của ông Patris (chứ không có quyển nào của ông gọi là *Histoire d'Annam des origines aux L'antérieurs* như ông Mỹ dẫn ở trang đầu bài tự-luận), có đoạn dẫn nói về Bà Trưng như sau: « Những cuộc khởi binh tỏ ra rằng dân Nam bấy giờ nhiệt tâm phẫn uất, không chịu người chiến thắng làm chủ mình, nhưng những cuộc ấy không xảy ra ngay sau khi bị xâm lược. Cuộc khởi binh đầu tiên đến khoảng giữa thế-kỷ thứ nhất sau Thiên-chúa mới xảy ra, cổ lai người đàn bà đứng đầu... tuy là một cuộc ngắn-ngủi, kết-quả không được lâu bền, thế mà người nam vẫn ghi nhớ đặc biệt hơn hết và truyền tụng một cách rất tôn-kính ở trong trang. Thử thử, đã gần hai nghìn năm nay người nước Nam vẫn tôn bà Trưng-Trắc và Trưng-Nữ là những bậc đã lấy lại quyền tự-chủ cho nước trong khi bị nô-lệ. »

Nào cũng xưng bái là vị phúc thần và thần thánh, lúc nào cũng đem lòng chiêm bái thờ phụng tại tôn-gi nghiêm người Nam và Bà Trưng với vị anh-hùng rất trong sạch rất cao-quý ở xứ nước Pháp, thường gọi Bà Trưng là bà ~~Gen-Đa~~ của ~~Đô-Đa~~ (Les insurrections qui témoignent de la fierté

impatience avec laquelle le peuple d'Annam subissait la domination des vainqueurs, ne se produisirent cependant pas aussitôt après la conquête. La première n'eut lieu que vers le milieu du premier siècle de notre ère et fut dirigée par deux femmes... Si elle fut l'une des plus courtes et si ses résultats furent très éphémères, il n'en reste pas moins que les Annamites en ont conservé plus particulièrement et très pieusement la tradition. Les deux sœurs Trưng-Trắc et Trưng-Nữ s'en efforcèrent dévotement par eux depuis bien-tôt deux millénaires, comme les libératrices de l'ancienne indépendance asservie. Les ont de tout temps respectées comme des Génies bienfaisants et d'instinct qu'ils continuent à honorer d'un véritable culte. Et les assimilant à l'héroïne la plus pure et la plus noble de l'histoire de France, ils les appellent assez habituellement les « Jeanne d'Arc » du pays d'Annam. — Charles Patris, *Essai d'histoire d'Annam*, I, *L'antiquité et le haut moyen âge*, trang 109-110) giữ lại thế thì có cuộc khởi binh là d'long dài hết tự-chủ, chứ có phải rằng gì một d'ng cấp r'ô mà gọi là « đại quý-tộc ».

Ông Patris có nói: «...Mãi đến người kế Tích-Quang lên là Tô Định mới nổi loạn, tức là vài năm sau khi những người quý tộc phong-kiến ở Giao chỉ đã làm cho dân cùng đồng ý

phản kháng về sự người ngoài xâm chủ... » (Ce ne fut... que sous son successeur (Tích - Quang), nommée Tô - Định qu'éclata la révolte. Plusieurs années se passèrent donc, durant lesquelles la noblesse féodale de Giao Chỉ put faire partager au peuple son hostilité pour la domination étrangère... Charles Patris, *Essai d'histoire d'Annam*, 1, trang 113), chứ cô phải « phong trào đẳng cấp đại quý tộc bột khởi » đâu.

Trong quyển *Việt-nam văn-hóa sử-cương* (tr. 19) ông Đào-đuy-Anh cũng có chữ «...phái quý-tộc đương bất bình với Tô-Định... hiệu triệu người Giao-chỉ nổi lên... ». Vì trong sử chữ nho của ta chép « Hai bà Trưng là con gái quan Lạc-tướng ở My-linh... ông Thi-Sách (chồng bà Trưng-Trắc là con gái quan Lạc-tướng Chu-diêm...) cho nên ông Patris gọi là quý-tộc mà ông Đào-đuy-Anh cũng gọi là phái quý-tộc, chứ trong sách không chỗ nào phân ra « đẳng cấp quý-tộc » như ông Mỹ nói; Đã có giai-cấp quý-tộc, tất có giai-cấp bình dân, hai bên xa cách như trời với vực, thì hiệu-triệu làm sao được? Khi đã hiệu-triệu được, tức là vua, quan và dân đều thân nhau như người một nhà, chứ không phân ra đẳng cấp gì cả.

Ông Mỹ dựa vào sách nào mà nói nước ta về thời bấy giờ có « tinh cách nội bộ tranh đấu của xã-hội » (trang 10)? Trong thời Bắc-thuộc, sở dĩ có cuộc khởi binh là vì quan lại tham-phlung tàn bạo, mà dân ta thì muốn lấy



lại quyền độc lập, chứ cô phải là giai-cấp tranh đấu nhau đâu! Sử sách không chép hồi nào có những sự tranh đấu như thế.

Ông Mỹ có ý chê những người sùng bái anh hùng là « chằm đưa những cá nhân lãnh tụ ra làm những ti tiện tượng để hối lộ ta tụng-ngợi khoe », rồi nói rằng : « Họ đã làm, chỉ tin tưởng ở tài năng, ý chí siêu việt (của họ) nhiều cá nhân quý quyết khôn ngoan » (tr. 10).

Thế là ông Mỹ không biết tôn trọng người Anh-hùng, đã là một tội, lại dám nói những bậc anh-hùng ấy là « quý quyết khôn ngoan », lại là một tội nữa; thế là sự ông kết án với Hai Bà Trưng, nhất là ông lại dè chữ « khởi-nghĩa » ở ngoài bia, trái hẳn với mấy câu in trong sách.

Đến lập luận thứ hai, ông Mỹ cho « cuộc khởi nghĩa của Trưng-vương là biểu thị của cuộc sung đột ở Giao-chỉ bộ một lần cuối cùng giữa văn hóa mẫu hệ đang tàn và văn hoá phụ quyền mới vững » (trang 10-11). Ông thấy sách nào chép Bà Trưng được về « Văn hóa mẫu hệ đang tàn »? Các sử thư xưa nay đều chép « Bà là con gái quan Lạc-tướng My-linh », là vợ ông Thi-sách ở Chu-diêm, rõ ràng có cha có chồng, mà dám bia ra là mẫu-hệ, nhất là chữ

« mẫu hệ ông lại giảng làm ngi ta là « Người mẹ có nhiều con cái do nhữn người cha » (tr. 23) thế mà dám gán vào Bà Trưng, thì lại là sáo-rở vô cùng! Rồi ông lại nói « về đời Đông Hán trong khi nước ta còn ở ào chế độ thị tộc mẫu hệ... đã bầu cho chế độ mẫu hệ là các lạc-lão, lạc-tướng làm đầu các thị tộc. Giao-chỉ » (tr. 11) thế là ông Mỹ nhận làm phong-tục xử khác, làm phong-tục xử mới. Về đời Đông Hán, kể từ năm Bà Trưng khởi nghĩa là năm 40 sau T. C, sử cũ chép rằng : « Họ Hồ 8 hàng 18 đời, cộng 2622 năm; họ Thục 50 năm; họ Trần 5 đời, cộng 97 năm; họ Bắc-thuộc 150 năm; rồi đến Trưng-Vương... » : thế là nước ta lập quốc trước đời Đông Hán đã gần ba nghìn năm, mà ngay trong đời Hồ 8 hàng sử cũng chép rằng « thế thì dĩ phụ truyền tử viết phụ đạo », nghĩa là « đời đời cha truyền cho con gọi là phụ đạo », Đại-Nam quốc sử diễn ca dịch là : « Một dòng phụ đạo xưa nay, trước ngang Đường-dế (2879 tr. T. C.) sau Tây Ngãn-vương (257 tr. T. C.) ». Rõ ràng là theo họ cha, sao ông Mỹ lại bia là mẫu hệ?

Còn về cách tổ-chức trong nước bấy giờ, xưa gọi là Lạc-vương, tướng văn gọi là lạc-hầu, tướng võ gọi là Lạc-tướng, con gái vua gọi là quân lang, con gái vua gọi là mỹ nương, (có người đọc là mỹ nương, vì hiện nay miền Thượng-du thường gọi con gái quan lang là cô nương, và trong Huế thường gọi con gái các ông hoàng bà chúa là mỹ). Mấy vùng trong miền thượng-du Hòa-bình (Xem tiếp trang 14)

TÙY HÙNG

Hương-dương

Kính tặng quê nhà

I

Hoa đẹp bao giờ hương đất Phấn ! (1)
 Nơi đây hoa đẹp hương Thiên nhiên.
 Lá bay lối vắng vương tơ chỉ, (2)
 Nước chảy chuôm dài luyến bút nghiên. (3)
 Đêm xuống năm cung cái bóng nguyệt.
 Chiều dâng muôn nẻo toả hương liên.
 Vài ba hươu-hoạ đầu râu bạc
 Gậy gắm hoàng-hôn dạo khắp miền...

II

Khắp miền non nước đẹp như tranh :
 Liễu đủ ly-đỉnh mấy dặm xanh,
 Đào-xá nào nùng hoa rợp bóng, (4)
 Vũ-lăng tha thướt lá đan mảnh, (5)
 Chim ngơ ngác đậu trên cành trúc,
 Người tuần-thor về dưới mái gianh.
 Từng dải mây chiều vương khói biển,
 Mênh mang xa vắng bụi kinh-thành.

hương-dương giữa núi sen hồ

NGÂN-GIANG

(1) Vương-Tường, khi còn bên đất Phấn, gieo mình xuống Bắc-thủy-giang, nhưng thân hoa vẫn trôi về bên Hán.

(2) Trong thôn Hương dương, ngoài mấy người ra làm quan, còn toàn chugên thên-thùa, canh cửi.

Viễn sơn

(Dịch thơ cổ)

山色無遠近

Sơn sắc vô viễn cận.

看山終日行

Khán sơn chung nhật hành.

峰巒隨處改

Phong loan tùy xử cải,

行客不知名

Hành khách bất tri danh.

ÂU-DƯƠNG TU

Núi xa

Màu non, xa cũng như gần,
 Ngắm non, chân mãi dời chân suốt ngày.

Dáng non thay chỗ đổi thay,
 Chẳng hay núi ấy, non này tên chi.

NGUYỄN HỮU-TRÍ dịch

(3) Chuôm ngay cổng thôn Dương, giữa đồi lên hai miêng đất rõ hình bút nghiên.

(4) Đào-xá, tên một làng bên cạnh.

(5) Vũ-lăng, tên « ga » hàng lồng ngày xưa trước cổng thôn Hương-dương.

Sách giá trị

Những sự gặp gỡ của ĐÔNG PHƯƠNG và TÂY PHƯƠNG

của VŨ BỘI LIÊU Giá 6\$00

HÁT ĐẠM NGHỆ TÌNH của NGUYỄN ĐỒNG CHI Giá 5\$00

100 ĐỒ PHỎ Bản dịch của NHƯỢNG TỔNG Giá 11\$50

Hãy đọc

NGHÌN LE MỘT NGAY (một quyển trọn bộ)

Bản dịch của MAI KHANH Giá 5\$00

Nhà xuất bản TÂN VIỆT — 29 Lamblot — Hanoi

Sắp phát hành

SỬ KÝ TƯ MA THIÊN

Bản dịch của NHƯỢNG TỔNG

VIỆT NAM PHẬT GIÁO

SỬ LƯỢC của MẬT THE

(giáo sư trường Sơn Môn Phật học Huế)

Tựa của ông Trần văn Giáp
 (trưởng Viện đồng Bác cổ Hanoi)

BỐN NĂM TRÊN ĐẢO CÁC-BA

Số 4

của VĂN-ĐÀI

Phong cảnh Các-bà

Xưa nay người Nam ta đi xem phong cảnh vịnh Hạ-long đã nhiều, nhưng thật ra, biết cảnh vịnh Hạ-long rất ít. Hạ-long không phải chỉ có cái hang Đầu gồ, hang Surprise và vài ba hang khác... Kỳ quan của tạo-hóa ở đất nước này, cho ta thấy từ Các-bà về Hongay — hơn hai mươi cây số tất cả một cảnh thiên-thai nơi hạ giới: Những non nước nhấp nhô, những sơn thủy lung vĩ, những cảnh đẹp mơ ảo, nhưng cao siêu. Bao nhiêu cái đẹp hoàn toàn, chọn lọc chỉ riêng nơi đây mới có thể cho ta vừa ý được, Trùng-diệp những ngọn núi xanh, không cao lắm, chẳng có những cây cần cỗi với thời-gian, nhưng vẫn giữ một màu tươi mới nỏ. Các dãy núi chia nhau, cứ ẩn lấy một góc bề, làm một thế giới của mình, một thế-giới vô cùng kỳ tú. Những buổi trời yên sóng lặng, Các-bà lúc nào cũng êm đềm, nhưng không ỉn đẹt. Mặt bể phẳng lặng và xanh, xa trông như một tấm thảm. Chân trời rơi xuống gần quá, bao chung quanh nước một khoảng tròn, như một vòng hoa tím-tím. Dăm chiếc thuyền đứng dính tại qua, chiếc buồm câu, chiếc ghé bến. Dòng nước xanh và trong vắt, tưởng chừng không một sóng gió gì, có quyền khuấy đục tấm gương ngọc bích này.

Thế rồi cũng có lúc đổi thay. Những trận gió rít lên với một giọng vô-cùng gay gắt. Nước bề lặn lộn, lúc nào cũng như muốn đại muốn nhảy sồ lên bờ. Các cây cối im

lặng và ngay ngắn dẽm qua, nay bỗng ngã nghiêng, lay động. Lũ khí sợ hãi núp trong hang. Đàn chim âm thầm tìm chỗ ẩn. Bao nhiêu cái đẹp êm-ả, huyền ảo, chỉ một cơn sóng gió, đều biến đổi ra một trạng thái khác thường. Muốn vật dành phải cúi đầu phục tùng dưới cái vô-song của Tạo hóa.

Cơn thịnh nộ của sóng gió đã qua. Tất cả cái gì cũng đều tươi lên như tổ vẽ mừng rỡ. Cây lá xanh hơn mọi ngày. Con đường con mầy hôm nắng trong lơ lơ, sau trận mưa dẽm qua, đã in rõ rệt màu cát trắng vều lại bờ cỏ xanh, uốn cong queo trên chèo núi, như con bạch xà đương bỏ thông-thả. Đường vào hang Vem, hai bên hai dãy núi đứng ngay ngắn như hai bức trướng thành, đã lâu vắng nỗi làm khô ki an màu đá, thì nay như được ai cầm một cái thùng không lồ, tưới qua một lượt nước, cho vừa đủ mát mắt.

Hai bên thì núi, giữa thì sóng.
Cỏ phải đây là Kẽm trống không
và:

Gió thổi cảnh cây khua lác cắc.
Sóng dồn mặt nước vỗ long
bong

Mấy cây thơ này, phải chăng đây mới hợp cảnh?

Sở vô tuyến-diện ở trên một ngọn đồi tuy gần gũi với bến chợ hơn, song cũng phải qua một con đường chỉ chỉ gần ba trăm thước. đứng trên ngọn đồi này, người ta có thể thu tất cả Các-bà vào một khung cảnh rộng.

Bãi Cát-bèo (baie des pêcheurs) đằng sau sở Vô tuyến điện, nơi mà các thuyền chài người Nam ưa tụ họp. Từ đây người ta có thể dong thuyền vào hang Vem (Trou des moules) và ra Passavane. Nơi đây không còn có tên bằng tiếng ta nữa. Passavane là một khoảng có rất nhiều củ lao nhỏ rải-rác trên mặt bể. Chèo thuyền khi đã vào đây, ta chỉ còn thấy chung quanh bị bao-vây bởi những bức thành bằng núi đá. Ở đây nước thật trong, trong suốt đáy. Cây cỏ thật tươi, có rất nhiều kiể và vượn bạc đầu. Những con vật này không còn biết sợ người, có khi còn dọa người là khác. Ra khỏi Passavane, đến bên Con Cóc (Le crapaud) Rồi từ đây, thuyền cứ hong ủa ra về Hongay, dọc đường ta còn thấy biết bao nhiêu cảnh đẹp kỳ thú. Bên đây Hai nển (Les deux Chandelles) là hai tảng đá đứng ngay và rất thẳng, trên một cái chân, như chân đèn bạch, lập. Thuận đường người ta rẽ sang Les trois Cirques và các hang nữa gần phía Hongay.

(Còn nữa)

VĂN-ĐÀI

Hộp thư

Ông Hồ q. Thăm poste Phú Ngự Tả — Quang Trung lập I hết — ngân phiếu 10\$80 sẽ xin tính cả là tiền báo.

Cả năm còn thiếu 3\$20.

Trị sự

Muốn làm giàu mua vé số

Dông Pháp

1p.00 một vé

Một quyển sách...

(Tiếp theo trang 11)

Lấy còn tục các quan lang làm chúa các dân vùng ấy, thì cũng cha truyền con nối, chứ không có chỗ nào truền cho con gái cả. Ông Mỹ búng cứ vào đầu mà nói « đại biểu cho chế độ mẫu hệ là các lạc hầu lạc tướng »? Không có lý nào trong thời nữ quyền đang thịnh mà lại để cho người đàn ông đại biểu và cầm đầu như ông Mỹ nói.

Ông lại nói « Giao-chỉ bộ thời ấy chưa đủ để kện biệt lập làm một quốc gia rõ rệt ». Sao ông bỏ sử mà lăm đến thế? Ông cho thế nào mới gọi là « một quốc gia rõ rệt »? Trước thời ấy ba nghìn năm, nước ta đã thành một nước gọi là nước Văn-lang, gọi là nước Âu-lạc, mà bên Tàu vẫn gọi ta là Giao-chỉ, là Việt-thường, cách tổ chức như địa dư thì chia trong nước làm 15 bộ, chính trị thì đặt lạc-lầu lạc-tướng dưới lại có chức bệ-ctỉnh để giúp việc, dạy dân cấy cấy thì có lạc-dền, dạy dân tránh nạn giặc-long thì có tục văn thân; ở vào một đời thái-bình vua với dân thân nhau như một nhà tướng thế đã là đủ lắm rồi, còn phải gì nữa mà ông cho là chưa đủ để kện làm « một quốc gia rõ rệt ».

Ông nói (tr. 11-12) « có... cuộc khởi loạn... do một lạc hầu hay một lạc tướng cầm đầu », câu ấy ông cho vào việc nào trong sử nam? Ông lại nói (tr. 12) việc Bà Trưng khởi nghĩa là « cuộc khởi loạn... do nhiều lạc-hầu lạc-tướng..., một lãnh tụ đạo sắc đứng lên làm minh chủ... khiến sử gia thời sau có thể lầm tưởng là một cuộc cách mệnh... hay một phong trào... kháng ngoại ». Câu ấy đã có ông

Patris trả lời, ông đọc kỹ lại đoạn sử của ông Patris chép việc Bà Trưng thì rõ.

Ông lại kể một bọn nữ tướng của Bà Trưng, cho thế là di-tích của Mẫu-hệ. Thời này cũng vậy, một người đàn bà đứng làm chủ, thì tất những thuộc hạ phần nhiều là đàn bà, cái đó không lấy gì làm lạ, không có thể vận cái cơ nhiều đàn bà giúp việc là thị-tộc mẫu-hệ.

Ông thấy sách nào chép về thị-tộc mẫu hệ có nhiều người đàn bà tài giỏi ra giúp việc như thế? Những vị anh-hùng xuất chúng như Bà Trưng, thì nước nào cũng ít lắm, chỉ khi nào trong nước có cơ-hội mới nổi lên, như bên Pháp có bà Jeanne d'Arc, bên Tàu có bà Mịch-lan, mấy nghìn vạn năm cũng chỉ có một bà mà thôi, không có thể lấy thế cho là thị-tộc mẫu-hệ.

Đến lập luận thứ ba ông Mỹ cho « lịch-sử Trưng-vương... là một huyền-sử... một thần thoại quốc gia. Các nhà chép sử Trưng-vương phần nhiều dựa theo thần tích, vì quá chú quan thiên vị quốc gia » (tr. 14). Ông nói thế, sao ông lại dẫn Man-Thiên, Thanh-Thiên, Bát-Nàn, Lê-Chân và Nguyễn Đào-nương để làm chứng có thị-tộc Mẫu-hệ? Chính trong việc-sử chỉ chép có một mình bà Lê-Chân mà thôi, còn những bà kia đều là chuyện trong thần tích cả: đã chèn người ta dựa theo thần tích, sao ông lại dẫn thần-tích để làm chứng cho cái thuyết của ông?

Ông đã cho tài-liệu về lịch sử Trưng vương nhiều, khiến người đọc hoài nghi, rồi ông lại viết thêm một đoạn rằng: « năm canh-tý (40) các thị-tộc mẫu hệ ở Giao-

Chỉ bộ khởi loạn, đánh đuổi quan Trại-thủ là Tô-Đĩnh, một người đàn bà là Trưng-Trắc được lập làm vua. Năm quý mao (43), Trưng-Trắc bị tướng nhà Hán là Mã-viện sang đánh, quân ta, đứng chốt ở vùng Cẩm Khê. Văn hóa phụ quyền và chính trị-quận huyện hoàn toàn chiến thắng ở Giao-Chỉ »: thế là ông chèn tài-liệu nhiều làm cho hoài nghi, mà ông lại bịa thêm một đoạn những Mẫu hệ, phụ quyền, để người ta hoài nghi thêm!

Nói tóm lại, lập luận của ông đều là hỏng cả. Nhưng trong bài tự luận, ông có những câu « Hai Bà đã lên làm vua một nước độc lập, do sức chiến đấu và tài thao lược của mình. Anh-quốc..., Nga-quốc..., Trung-quốc... có nữ hoàng... so với hai Bà Trưng còn kém nhiều... » (tr. 13-14), tức là những câu khen. Nhưng chỗ thì chép là di-tích của hình thức Mẫu hệ, chỗ thì chép là « khởi loạn », chỗ lại chép là « khởi nghĩa »: trong một bài mà mỗi chỗ nói một khác, thì không gọi là « lập luận » được.

Đây là mới chữa những chỗ sai ở trong bài tự luận, còn trong quyển sách ký sau sẽ xét nữa.

Dưới quyển sách, có mục Văn mới lập trở nổi về bài tôi phê bình quyển Xã hội Việt Nam của ông Lương Đức Thiệp. Tôi có trách ông Thiệp về đoạn mẫu-hệ, đại-khai cũng như trên kia; tôi lại trách ông gọi tác cụ đời xưa là « họ » và viết câu « Người Việt-nam xưa chỉ còn biết cầu hòa, lấy lực hay văn lơn... ». Tôi có sao dùng nguyên-văn, đánh dấu than (!) vào những chữ sai và

viết một câu rằng «... về sau có ông Trần - blab - Trong đời Trần...». Nay Văn mới chép lại, bỏ dấu than, bỏ chữ « về sau », rồi bảo tôi dẫn sách « thiếu thành thực » !

Sở dĩ tôi phải trách ông Thuộc là vì ông nói gồm cả « người Việt-nam xưa » và nói giọng người nước khác, chứ không phải giọng người nước Nam. Ông lại « mượn » bài Ông Nghè Triều Lê và nói sai nhiều lắm. Văn mới muốn trả lời ông, nhưng lại làm rõ cái lỗi của ông ra và của Văn mới nữa. Như câu ông nói « người Việt-nam cổ sơ bổng quan niệm đến thủy thổ, linh hồn (hay vật linh) », Văn mới đổi chữ « Bổng quan niệm » làm « không quan niệm » : thế mà Văn mới dám nói đến « thành thực khi dẫn sách » !

Sau không biết nói thế nào đã gõ tới, Văn mới đem Thanh niên ra để cứu vãn. Nhưng Thanh niên cũng mắc phải những tội như Văn mới : cũng trích sai, cũng bẻ xằng, cũng nói vu-vơ. Có khác nhau, chỉ khác : có một chỗ là Văn mới thì thú trước, mà Thanh niên thì thú sau ; thú trước ở chỗ dẫn bài Ông Nghè vào Văn mới số 22 - 23, « mượn » bài Ông Nghè vào Văn mới số 34 35, đây vào đây rồi lại hỏi bài Ông Nghè gì ở ông có thấy gì ? Còn Thanh niên thì hỏi chữ « chẳng thà là nói ngịch lại (l) với ý muốn (l) của mình sao ? », nhưng sau phải chịu thú là « cũng dùng lẫn với... chữ thà » !... Hèn nào ta có câu « Đồng loại tương tập », mà lấy có câu « Giống nhau thì hợp nhau » (Qui se ressemble s'assemble) !

Nhưng Văn mới chưa tin vào

ông-tội của Thanh niên, nên mới kéo đến độ giả, nói rằng : « các bạn đọc giả nào đã đọc những bài phê bình của cụ hân đã thấy rõ cớ đúng hay không ». Đọc - giả thấy rõ lắm, nên thường gửi thư cho tôi đề khuếch-kích. Tôi trích đang dưới đây một bức thư của ông Đỗ-văn-Lâm ở Thanh-hóa, đề ngày 25 tháng 7 tây, Bức thư ấy dài đến bốn trang giấy bẻ, tôi chỉ trích mấy câu như sau : « Hôm nay hai số báo Tri Tân 150 151 cũng đưa đến trong một lúc, trong đó hai bài tiên sinh nói về quyền Xã hội Việt nam và quyền Nguyên công Trừ x n thì thực là hai bài ấy đã làm cho tôi sung sướng vô cùng, sung sướng hơn là khi được hưởng vật gì thiếu thốn trong thời-kỷ chiến-tranh này. Tôi tự biết ý nghĩ lắm-thường, là sự bực tức khi đọc sách ấy và sự tiếc hèn xưa các em tôi mua sách ấy đã được giả thú ở hai bài của tiên sinh, thật là lỗi-như g lược câu kinh và có ý bất hòa với tá-giả hai quyền sách ấy. Mối khi

đọc, ngoài sự cảm-tức cho người xưa, lại... sợ các em tôi hóa theo lối văn ấy thì khổ tâm rồi chừng tôi ! Tôi phải viết thư riêng này cho tiên sinh, vì có vài người em ở nhà quê đương mãi một mùa sách báo để góp lại từ sách gia đình đầy đủ : chúng chả có cách gì mà biết trước được sách hay hay dở, thứ nhất là những quyển dở lại thường đặt cái tên cho hay, thì ai là người ham họ mà chả bị lừa ngay ? Vậy muốn cho dân chúng khỏi bị lầm chỉ rõ cái bả là tên s' h phải chịu khổ làm việc về lỗi phê bình người bả bả kia ; cái lỗi khác thì tiên sinh làm ít thôi ; hễ có quyển nào ra thì tiên sinh phê bình ngay để chúng tôi khỏi bị lầm... »

Thiết-từ ở... thế cũng đủ trả lời cho Văn mới. Hiện giờ tôi còn bốn năm chữ bẻ thư dài khác như thế ; tôi xin phép độ giả trước : mỗi khi Văn mới câu được, tôi sẽ lại đang.

(Còn nữa)

Ứng học NGUYỄN-VĂN-TÔ

ĐA PHÁT HÀNH :

1 — QUANG TRUNG (TẬP II)

của HUA-BANG HOANG THÚC IRÀM

Giá : 8\$00

2 — THƠ NGŨ-NGÔN LA FONTAINE

của CACH-CHI phiên dịch

Cụ Ứng-học Nguyễn văn-Tổ đề tựa :

«... Những cái hay ấy ông Gácô-Cni đã dùng « công phiên dịch, vẫn hay rằng ngiê dĩ-hi bao giờ cũng khó « nhưng dịch được như thế này đã là kiêu hãnh »

Giá : 2\$00

Nhà xuất bản :

TRỊNH-NHƯ-LUÂN

121, Chancellerie — Hanoi

ÍT THƠ TRÀO PHÚNG CỦA NGUYỄN - VĂN - GIAI

Khái-sinh DƯƠNG-TỰ-QUÂN



MƯỜI VĂN GIAI, tục gọi Ba Giai người làng Hồ - kiều, huyện Vĩnh-thuận (tức huyện Hoàn-long bây giờ), ngay từ thuở nhỏ, đã là một cậu học trò rất thông minh như g sặc sỡ. Khi nhớn lên, nhân lúc nước ta gặp cảnh lâm than, nên tuy học giỏi, ông cũng chẳng tui-cử gì. Sau, tuổi ông càng cao thì ông lại càng bướng bỉnh, liều lĩnh, cả ngày chỉ rượu chè đàn đúm. Ông từ nhiều lần cạn tiền, ông thường phải đến các nhà quen thuộc vay mượn. Các nhà ấy phần nề ông là người có tài lỗi lạc, phần sợ ông hay thù vật, nên nhiều khi tuy muốn lánh xa nhưng vẫn phải giúp đỡ. Tính thù vật ấy bấy giờ đã làm cho các người quen biết ông phải kiêng ông đến nỗi đặt 2 câu về này để tự răn:

Hễ ai mà nói dối ai, (1)

Tối ba mươi Tết, Ba-giai vào nhà.

Chứng thực là có một nhà kia, ông đến hỏi vay tiền, nhà ấy không cho vay, ông mới nghĩ kế báo thù:

Chiều 30 Tết, ông thân đến nhà buôn đồ sứ đặt món tiền cồng con, bảo sớm hôm sau, dâng mừng một Tết thì cho khiêng một bộ áo quan lại nhà ở chỗ ấy, tên là thế.

Sáng hôm sau, nhà kia đang chờ người « xông đất » thì lù lù hai anh cu-li khiêng một cỗ quan

tài đến, đi theo là người chủ hiệu. Nhà kia hoảng hồn lòi ra mới rõ là ông Ba-giai « chơi khăm » đồ rửa mặt, tức quá, không biết làm thế nào, đành phải nói lại với người chủ hiệu kia.

Ông có một người bạn chí thân tên là Đàm, người làng Me (tức làng Hương-mạo bây giờ) được sung chức tri-huyện huyện Thọ-Xương ở tỉnh Hà-nội, Quan huyện từ khi được làm quan, sợ ông Ba-giai đến chơi luôn sẽ gây nhiều chuyện khó chịu, mới nghĩ kế xa ông:

Một đêm, quan huyện sai lính đi tìm ông đến đưa cho xem một cái trát có dấu đỏ loè nói là trát tỉnh tư bắt ông; chỗ bạn thân, ý quan muốn ông trốn đi chứ cứ nấn ná ở lại « mang họa vào mình. Quan huyện lại đưa giúp ông một nén bạc. Ông theo lính trốn sang tỉnh Bắc.

Được hơn một tháng, ông nghe chẳng thấy động tĩnh gì, biết đó là cái mưu của quan huyện Me, căm tức vô ngần, bèn nghĩ cách báo thù.

Khi ấy, có quan quân Tàu đóng tại Hà-nội, tướng tàu là Phùng-Tử-Tài, không biết có việc gì đến huyện nhà Thọ-xương, hỏi ban gì quan huyện, quan huyện ứng đối thế nào đến nỗi viên tướng tàu kia phát khùng, giải sang tỉnh Bắc. Ông Ba Giai bấy giờ mới làm

một bài thơ chế riếu quan huyện Me trong có câu:

.....
Nguyễn Sứ chú Phùng ngắm
« sặc lợ » (2)

Đại thần quan Võ hồi làm
răng (3)

Sau, qua huyện được tha về và phục chức. Chính sự ngài có thay đổi nhiều, mà trong sự thay đổi ấy có việc « cấm dĩ ». Ông Ba-giai được thả, làm một bài thơ: Nhà liệm phen này liệu báo nhau:

Có tờ yết thị cấm thanh lâu /
« Lạn phở » (4) tách thẳng về
quê trước,

« Hủ hạt » (5) mau chôn lên
cửa sau.

Quần của chị em thói xếp lại,
Lễ đem tông lý kịp đưa mau
Khoảng phu oán nữ - can thì
khieu,

Tang bặc là xưa có cấm đầu ?

Ấy vẫn chương ông Ba-giai đại
loại có giọng trào phúng như thế
cả.

Lại, năm Nhâm - ngo (1882) thành Hà-nội bị hạ lần thứ hai. Quan tổng đốc Hà-nội bấy giờ là ông Hoàng Dụ vì giữ thành không được, phải tự tận, còn các quan văn võ khác phải bỏ chạy cả. Ông Ba Giai có đặt một bài ca « Chính khi » khởi đầu bằng những câu này:

Một vầng chính khí lưà hình,
Khoảng trong giới đất nhất
tinh sơn hà,

Hiệu nhiên ở tại người ta,
Tức vương sơn sắt hiện ra khi
cùng.

Nên thua theo vận trưần phồng,

Nghĩa thu lòng tiếng anh hùng
sử xanh,
Có quân lòng đốc Hà-Ninh,
Tên là Hoàng Diệu trung trinh
ai bằng,

Rồi ông tả đến việc hai bên
đánh nhau thế nào, rút cụ quân
ta thua như sao, ông than :

Nào ai sức khoẻ gan liền ?
Nào ai gìn giữ vững bền ba
quán ?

Nào ai còn có kinh luân ?
Nào ai nghĩ đến thánh quân
trên đầu ?

Mọi cơn gió thảm, mưa sầu,
Nấu nung gan sắt, giặt-dầu
lòng son.

Chữ trung đã rập vuông tròn,
Quyết đem gửi dãi tàn hồn
gỗ cây.

Giời cao bề rộng đất dày,
Núi Nùng sông Nhị sớm nay
làm ghi.

Thương ôi ! trong buổi lưu ly,
Tám nghìn ai chẳng thương ai
người trượng.

Rủ nhau tình nghĩa thủy
chung,

Rước người ra lảng ở trong
học đường.

Đau đớn nhẽ, ngàn ngơ
nhường,

Tổ-loy thành quách, tối-làn cỏ
hoa !

Quan Tổng-dốc Hoàng trấn tiết
rồi, cớ tin quan đề-đốc cũng (uốn
tiết theo, ai ngờ đó là một tin
dồn sai :

Thế mà nghe nói mơ hồ,
Rằng quân đề-đốc xuống Hồ
biển tây.

Người rằng treo ở cánh cửa,
Người rằng hắt xuống giếng
Huyền chẳng sai.

Xét tìm ngày mất, ngày tại,
Định rằng hợp táng ở nơi học-
đường.

Hỏi ra sau mới biết sự tình :
Cùng loài úy tử cùng phương
thần sinh !

Ông khinh bỉ quan đề-đốc, ông
cũng không thể không trách quan
tuần phủ :

Vẫn như tuần-phủ nực cười,
Bình Fri là hiệu, sau mười
lưỡi gươm.

Biết bao cơn đao quốc gia,
Chiến trong sử lịch cũng là
đại viên.

Chén son chưa ráo nhũ
nguyên,

Nỡ nào mà lại quên liền đi
ngay !

Lại còn lần quất chi đây,
Hay là thương tiếc nầy may
của đời ! (8)

Hay là tiếc cái xuân xanh,
Hay là cớ chút khốn hình
lữ thân ?

Ngôn ngang nghĩ nỗi xa gần,
Rập toan lịch cốc mấy lần lại
thời.

Sao không biết xâu với đời
Sao không biết thẹn với người
trung quân.

Hà quốc tộc, lại vương thần,
Cũng nên hết sức kính luân
mới là.

Nợ nước vấp nợ non nhà,
Sao mà dễ mất một toả Thấn-
long ?

Biết cơ liên dã chẳng xông,
Lại còn mở mồi trong vòng
trần gian.

Về quan Đề, ông Ba-giai còn
một bài thơ vịnh rằng :
Nhắc căn Thái Lĩnh với hồng
âm đạo, (7)

Nghe nói quan Đề khảng khái
sao !

Thất cổ tay đã vịn xuống thấp,
Trăm mình đầu lại ngóc lên
cao.

Sờ lưng tìm thuốc trị đau mắt,
Lấy hơi làm gương thích chằng
vào

Từ bất ỷ ngồi ngơ ngàn mãi,
(Xem tiếp trang 21)

1) H.B. chưa — Hoặc là : Ai nói dối
ai : Ba-giai vào nhà !

2) Tiếng tàu, nghĩa là « giết đi ».

3) Võ đây chỉ Võ Trọng-Bình,
người Trung kỳ, khi ấy, đương làm
lòng đốc Hà-nội. « làm răng » là
tiếng Trung kỳ, nghĩa là « làm gì ? »

4) Tiếng làa nghĩa là « dĩ thời ».

5) « » « Khách từ từ ».

(6) H. B. chưa. — Câu này xuất
vận, chắc là truyền tụng sai. Vỡ
ngài nào nhớ đúng, xin làm ơn chỉ
chò

7) Thái Lĩnh là núi Thái, lòng
mao là lòng hồng; do cớ: nhân
cổ lưu nhât tử, từ trước trong u
Thi-Sơn, hoặc khinh u hồng mao,
nghĩa là : người ta ai cũng chết,
chết hoặc cốt nặng như núi Thái,
hoặc nhẹ như lòng hồng ; cớ ý nói
mình có khí vì nghĩa vụ mà chưa
được chết thì phải coi chết làm to, có
khi vì nghĩa vụ mà phải chết thì
phải coi cái chết làm nhỏ. Ông đề
đốc (tên là Lê-Chinh) đây đáng nên
chết, lại giả tảng tự tử để khộng
chết, coi chết làm to nên ông Ba-
Giai dùng câu này, nghe thực thú !

Giá báo

1 năm	20 \$ 00
6 tháng	11, 00
3 tháng	6, 00
Mỗi số	0, 50

Tài - liệu để đính - chính những bài văn cổ

Số 63

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐC X X X V. — Kim Vân Kiều
(bài rớt)

Phường - bản của Quan - văn - đường, (tờ 61 b) chép « Quán chi trên gác dưới duyên, Cũng toàn sống thác với tình clo xong ». Kim Vân Kiều chú (bản sao của Bác-cổ, số A B 233, tờ 56 a) chép là « Quán bao lên gác xuống duyên ». Kinh bản của cụ Kiều-oánh Mậu (Đoạn trường tân thanh, tờ 49 b) và Vương Kim diễn tự (bản sao của trường Bác-cổ, số AB 234, tờ 56 a) chép là « Quán chi lên thác xuống ghềnh ». Máy câu đều có nghĩa cả, duy cần « lên gác xuống duyên » không thuận nghĩa. Bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh in năm 1920, tr. 127, chép là « Quán chi lên thác, xuống ghềnh », bản in năm 1943, tr. 482 chép là « Quán bao lên thác xuống ghềnh ».

— Phường bản, hai bản quốc-ngữ và Kim Vân Kiều chú chép là « Thiên - trà cạn nước hồng mai, Trông-dơng nổi gót thư-trai cùng về ». Kinh bản chép là « Thiên trà cạn chén hồng - mai. » Chữ chén với chữ nước tuy đồng nghĩa, nhưng chữ chén mới phải: nhà chùa dùng vô cây mơ làm trà, cho nên gọi là trà hồng-mai. Nhưng Kim Vân Kiều chú lại chú « Hồng-mai là tên hiệu trà, cũng như Ô-long, Liên-tử, v. v. »

— Các bản đều viết « Nàng càng e-lệ ủ ê, Rỉ tai tôi lại hoa-ti trước sau »; duy kinh bản chép là « Kể tai tôi lại hoa-ti trước sau ».

— Ba bản nôm và hai bản quốc-ngữ đều viết « Hoa rằng: Bà đến

đã lâu, Fón chân đứng núp độ đầu nửa giờ ». Kinh bản chép là « Dừng chân đứng lại độ đầu nửa giờ ».

— Câu « Ấy mới gan, ấy mới tài, Ngẩng càng thêm nổi sơn-gai rụng-rời », các bản nôm cũ viết chữ sơn-gai ra chữ dăng-cây. Cụ Kiều-oánh Mậu chưa rằng: « Sơn-gai là sờ trên da có gai như đầu hạt thóc, nghĩa là sợ quá; phường-bản chép là dăng - cay thì không phải nghĩa ».

— Các bản đều viết « Người dàu xầu-sắc nước dờn, Mả chàng Thúc phải ra người bỏ tay ». Cụ Kiều-oánh-Mậu chưa rằng: « Có bản chép: « Tháo-nào chàng Thúc ra người bỏ tay » và khen rằng: « câu ấy lay lăm. »

— Câu « Tiếng gà điểm nguyệt, dấu gầy cầu sương » do bài thơ Táo-hành (Đi sớm) của Đinh-Duân đời Đường: « Thần khởi động trình dục, khách tành bi cố hương; kẻ thanh mai điểm nguyệt, nhân tích bản kiều sương », nghĩa là « sớm dậy động tiếng mõ sang canh, Khách đi đường nhớ làng cũ; tiếng gà nơi điểm cổ bóng giăng xuyên, dấu chân người đi trên ván cầu có sương sa ». Vì điểm cổ có giăng xuyên, nên có bản viết là điểm cổ hoặc điểm nguyệt, đều được cả.

— Các bản nôm và quốc - ngữ đều chép là « Xem qua sự mới dạy qua, Phải nơi Hạng-thủy là ta hậu-tình »; duy kinh-bản chép là « Xem rồi sự mới dạy qua ».

— Bản quốc-ngữ cũ (1920 tr. 132) chép là « Cửa thuyền vừa

liết xuôi xuân, Bồng hoa rợp đất, »ở Ngân »gang trời ». Phường-bản và chú thích chép là « Cửa Thuyền vừa đã xuôi xuân ». Vương Kim diễn tự chép là « Cửa Thuyền vừa hội xuôi xuân ». Quốc-ngữ mới (1943, tr. 504) chép là « Cửa thuyền vừa cũ xuôi xuân ». Bản nôm của cụ Kiều-oánh Mậu viết chữ « nhật » bằng chữ « cợ »: chữ ấy có lẽ đọc là « cợ » thì hay hơn: « Cửa Thuyền vừa cợ xuôi xuân ».

— Phường-bản, chú thích và Vương Kim diễn tự đều chép « Rỉ tai nàng, mới giải lòng: Ở đây cửa Phật là không bẹp gì » Kinh-bản và quốc-ngữ mới chép « Rỉ tai mới kê sự lòng ». Quốc-ngữ cũ chép là « Rỉ tai mới kê thực lòng ».

— Phường - bản, chú thích, Vương Kim diễn tự và bản quốc-ngữ mới (tr. 508) chép « Lánh xa trước liêu tìm đường, Ngồi chờ nước đến nên đường còn quê. » Kinh-bản chép là « Ngồi chờ nước đến hảng đường còn quê ». Bản quốc-ngữ cũ (tr. 134) viết là « còn khuya ». Các chữ nôm thì đều viết chữ « khuê »: đọc là « khuya », đọc là « quê » đều được cả; nhưng có lẽ đọc là « khuya » phải nghĩa hơn, tức là còn chậm; còn như chữ « quê » nghĩa là quê mùa, nếu đặt vào đây, ý-nghĩa -câu-ký quá. Lại có bản chép chữ « nên đường » là « chân giường », nhưng thiết-tưởng hai chữ « đường » cùng nghĩa chữ « nhường », thế thì nên đọc « ngồi chờ nước đến chân, đường còn khuya ».

Mới đây ông Kiêm-tử có gửi lại báo Tri Tân bài sau này:

ĐẠI-NAM DẬT SỰ

Số 41

Ứng-học NGUYỄN-VAN-TO

XXIX — Mười hai sứ quân (bài nối)

Ký trước tôi đã lấy thần-tích làng Đông-phù-liệt, tổng Nam-phủ, huyện Thanh-tri tỉnh Hà-dông, chép chuyện sứ-quân Nguyễn-Sieu; trong nói Nguyễn-Sieu có ba anh em: anh cả là Nguyễn-Khoan giữ Tam-đái (Sơn-tây), anh thứ hai là Nguyễn-thủ Tiệp giữ Tiên-du (Bắc-ninh), còn Nguyễn-Sieu là em út giữ Tây-phù-liệt (Thanh-dâm, tức Thanh-tri). Nay xem thần-tích mấy làng ở huyện Tiên-du, thấy chép chuyện Nguyễn-thủ Tiệp hơi khác: với thần-tích làng Đông-phù-liệt, mà có đoạn so với sử Khâm-định giống nhau. Vậy lược dịch như sau này:

Tương truyền ở quận Ba-an bên Tàu, có một nhà lệnh-ộc, họ Lã, tên Thanh, vợ họ Nguyễn, tên Nguyên, sinh được một gái hai giai. Vợ chồng Lã Thanh đóng thuyền làm nghề buôn bán. Con thứ hai thiên-tu dĩnh ngộ, tính-hàm thông minh tuổi tuy nhỏ mà ham học, nhà làm nghề buôn bán mà một mình có chí thi thư. Năm mười-chín tuổi, thân-mẫu (tức Nguyễn-thị Nguyên) từ trần, Lã Thanh mới đặt tên cho là Tiệp.

Đến năm Lã Tiệp ba mươi-một tuổi, là năm cuối cùng đời Ngô Nam-tấn (965), trong nước nổi loạn, mỗi người chiếm cứ một khu, tôn vua lập chúa, xưng bá xưng hùng, chưa ai nhất-thống. Bấy giờ Lã-Tiệp đang làm thái-thủ quận Nhật-nam, đứng vào thứ hai trong mười hai sứ-quân.

Vận nước đã suy, ngôi nhà Ngô sắp mất, Lã-Tiệp đi tuần hành trong nước. Một hôm đi đến cõi

đất huyện Tiên-du, phủ Tứ-sơ, trấn Kinh-bắc, thấy địa-thế rộng-rãi mà hiểm-rở, non sông vây bọc xung quanh, bên chia quân lập thành đồn trại, xây dựng nhà cửa cho dân ở, tự đổi họ Lã làm họ Nguyễn, gọi chỗ dân-cư ấy là Nguyễn-xá-trang. Nhân-dân an-cư lạc-nghiep, thóc lúa được mùa. Già trẻ trong trang đều được nhờ ơn, tôn Nguyễn-Tiệp là Ba-an thái-lão quân, Nguyễn Lệnh-công. Từ bấy giờ ăn oai ra khắp trong quốc, đức trạch thẩm khắp các châu, từ nam sang bắc, hết thầy thần phục, xưng làm thần-tử.

Sau khi Đinh Tiên-hoàng lên ngôi (968), sai Đinh-tướng quân (tức Nguyễn Bặc) đem quân đến đánh. Nguyễn-Tiệp đem quân ra chống cự, trải ba bốn trận. Sau Nguyễn-Tiệp lui quân về cửa Cánh-hải (tức cửa Cờn) thuộc trang Hương-ái, huyện Đông-thành, phủ Diên-châu, trấn Nghệ-an. Đánh nhau một trận dữ dội, Nguyễn-Tiệp bị thua rồi: mất ở trang Hương-ái, ngày mười chín tháng hai.

Sau dân trang Nguyễn-xá mộng thấy Nguyễn-Tiệp cưỡi ngựa về chỗ cung sở ở trong trang. Sáng hôm sau gặp nhau, ai cũng nói mộng thấy như thế, đều hội họp ở chỗ cung đồn cũ để làm lễ, thì tương truyền rằng tự-nhiên có giọt máu rơi xuống đất: nhân dân cho là việc lạ, liền sửa lễ cầu linh ứng, thì giáng bút vào đồng-tử một bài thơ bằng chữ nho rằng:

«Thập nhị sứ hê, đệ nhị-quân!
Kim thừa sắc mệnh chương phương-dân.
Ngã lưu huyết diêm vô cùng
khánh, khả ái ngô-dân, phúc lộc quân».

Nghĩa là: «Mười hai sứ-quân, ta đứng vào thứ hai! Nay vàng sắc-chỉ thiên-dinh sai coi dân xứ này. Ta lưu lại giọt máu, ấy là cái phúc vô cùng. dân rất yêu của ta được phúc lộc đều đều». Viết xong thơ, tự nhiên thăng mất. Nhân-dân y theo chỗ có giọt máu lập đền thờ cúng tế.

Đến đời vua Lê Đại-bành (980-1005), có bọn Quách tiến là tướng nhà Tống sang xâm lấn nước ta. Vua Lê sai sứ đem quân đi đánh Tống. Quan quân đi qua trang Nguyễn-xá, chủ-tướng vào đền mật đảo, quả nhiên linh ứng, có sức âm-phò. Sau khi giặc Tống đã tan, chủ-tướng đem việc ấy tâu vua, vua Lê cho là có công mặc-trợ, sai quan đem sắc-chỉ tới trang ấy, truyền nhân-dân sửa đền thờ, ban cho trang Nguyễn-xá mười hai quan tiền công để làm hương-hoả, sắc phong làm Đương-cảnh thành-hoàng đô-thiên hộ-quốc linh-ứng. Nguyễn Lệnh-công thượng đẳng-thần (lược theo thần-tích làng Tiên-xá, tổng Nội-viên, huyện Tiên-du, tỉnh Bắc-ninh. Hàn-lâm-viện đồng-các đại-học-sĩ triều Lê là Nguyễn-Bính soạn năm thứ 4 hiệu Hồng-phúc (1572). Quan giám bách-thần tri-diện, Hùng-lĩnh thiếu-khanh là Nguyễn-Hiến sao lại năm thứ 3 hiệu Vĩnh-hựu (1737).

Thần-tích xã Trùng-quang, tổng Thụ-phúc, huyện Tiên-du, chép thêm một đoạn như sau này: Nguyễn Lệnh-công Chiêu-cầm phu-hự hoảng-ngự vĩ-lược phong-công hiển-tích đại-vương, họ Nguyễn, tên là Thủ-Tiệp (từ trên chưa thấy chép chữ thủ, đến đây mới có) tức là một sứ-quân trong mười hai sứ-quân. Minh cao tám (?) thước ta, tiếng vang như

chuông, ai nghe cũng sợ hãi, nguyên là thứ-sử châu Đường (thần-tích làng Tiên-xá chép là thứ Nhật-nam) cuối đời Ngô Nam-Tấn (965) trong nước rối loạn, mỗi người chiếm cứ một khu, tự xưng hùng-trưởng. Bấy giờ Thủ-Tiếp cũng nổi dậy, xưng Nguyễn Lệnh-công, chiếm cứ toàn hạt Tiên-du, xưng Ba-an quân Thái-lão lệnh-công, có mười vạn quân (?) oai thanh càng ngày càng nổi, từ Lạng châu về phía bắc đến hàng phục, sau chiếm cứ cả quận Vũ Ninh, (nay Bắc-ninh) xưng Vũ-ninh vương. Đến khi bị Đinh Tiên-hoàng dẹp, mất làm thần, nhân dân lập đền thờ cúng. Trang Nguyễn-Xá là chỗ sinh-thời Lệnh-công thường ngự, cho nên khi mất, nhân dân cảm công đức lập đền thờ.

Đoạn này so với đoạn trên hơi khác, nhưng so với sử

Khâm-định thì hơi giống. Sử Khâm-định chép rằng:

« Nguyễn-thủ-Tiếp có hiệu là Ba-an-quân, người cao, tiếng to, ai nghe cũng sợ, người ta gọi là Lôi-công (ông sấm), đến khi khởi binh xưng là Nguyễn Lệnh-công, giữ huyện Tiên-du, sau kiêm tỉnh cả quận Vũ-Ninh, xưng Vũ-ninh vương, người xứ nào không rõ». (Khâm-định Việt sử, tiền-biên q. 5, tờ 30a.) Cứ như thế, thì trong chính sử chép Nguyễn-thủ-Tiếp có hiệu là Lôi công, mà thần-tích hai làng mà không chép đến.

Thần-tích xã Tràng quang cũng do Nguyễn-Bình soạn năm 1572, Nguyễn-Hiền sao lại năm thứ 6 hiệu Vĩnh-hựu (1740).

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Nguyễn van Giai

(Tiếp theo trang 17)

Hỏi thăm quan bố (3) chạy nơi nào?

Toàn bài tả cái tình cảnh quan đề muốn chết mà chết không được: toan thất cố nhưng tay lại vịn giấy thừng xuống thấp, định tự trầm nhưng đầu lại ngóc lên, cứ phàn vân nghĩ ngợi, không biết nên chết như thế nào, tự nghĩ có lẽ mình là một quan võ, không biết mình nên chết cách nào cho phải, cho nên « quan ngài » mới phải chạy bởi xem ý kiến quan Bố là một bậc văn quan...nhưng quan Bố đã tức h đi đằng nào rồi...

Lối văn trào phúng và bao biếm biết chừng nào!

Khái Sinh DƯƠNG TỰ QUÂN

8) Quan Bố là Cao hữu Sung, bấy giờ đang giữ cửa lũy, thấy thành bị mất, chạy thẳng lên Sơn-Tập

Đã có bán:

Câu chuyện văn học

của Thiệu-Son Giá: 4\$00

Văn-học là tinh-hoa của đất nước, của nhân-lei. Không có văn-học, đời ta sẽ nhạt-nẽo, tầm thường, buồn-tẻ, phẳng-lặng. Văn-học đem đến cho ta những tư-tưởng cao siêu, những tình-cảm thanh-quý. — Cuốn Câu chuyện văn-học gồm có những câu chuyện văn-chương mà ông Thiệu-Son đã nói trên đài vô tuyến-điện Saigon, đã được e Chính-Phủ Đông-Dương công-nhận là tuyệt-tác, mà cả dân-chúng Đông-Dương cũng đã từng nghe thấy.

CHUYỆN KHOA-HỌC

Số 1 và số 2 của Hoàng-Lan

Từ Hoa-Mai số 42 và 43 mỗi cuốn giá 0\$50

NHA XUẤT-BAN CÔNG-LỰC

N° 9 Rue Takou — Hanoi

TU SÁCH NGÀY MỚI

Đã phát hành:

VĂN-CHƯƠNG VÀ XÃ-HỘI

của Lương-đức Thiệp Giá: 2\$50

Nghiên cứu về nguồn gốc văn học và nghệ-thuật — tính cách dân-cấp trong văn-học Việt-Nam — xu-hướng xã-hội trong văn-học Việt-Nam hiện đại.

ĐANG IN:

KHÔNG GIAO VỚI ÔNG ĐÀO DUY ANH

nghiên-cứu của Nguyễn uyên Diễm

VIẾT VÀ SỐNG

của Nguyễn Xuân Hạng

CON MỘT IT:

MẸ TÔI gia đình tiểu thuyết

của Nguyễn Khắc Mẫn Giá: 3\$80

VĂN HỌC VÀ TRIẾT LUẬN

của bà Mộng Sơn Giá: 2\$50

ĐẠI HỌC THƯ XÃ

181 Henri d'Orléans Hanoi

Giám Đốc: LÊ MỘNG CẦU

TIÊU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Cựu

« Khiên nhân tống An-Tư công-chân
vũ Thoát-Hoan, đực thư quốc nan dã. »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kinh tặng hương hồn miễn thân

NGUYỄN-HUY-TUỞNG

Số 10

Lai bỗng ôm lấy đầu gối vua, oà lên khóc nức nở. Vua nói, giọng hiền như cha:

— Có việc gì con khóc đó, Lai?

— Tâu Quan-gia, Lai vừa nói vừa nức nở, tiều nhân tuất Quan-gia từ sáng ngày chưa ăn... Đến như tiều nhân là kẻ hèn mọn mà còn được no bụng. Mẹ tiều nhân sợ tiều nhân đi xa, lại nếm thêm cho tiều nhân một nắm cơm đồ để ăn đường cho đỡ đói. Tiều nhân tay tuy chèo nhưng lòng vẫn nguï đến Quan-gia, Quan-gia dẫu lo việc nước, cũng không nên biếng ăn quên ngủ, ngọc-thề cô làm sao thì con sông trông cậy vào ai? Tiều nhân trăm sợ, có nắm cơm đồ đã mấy lần muốn dâng, hiềm vì nỡ, thân hèn, vật mọn nên không dám nhưng sợ Quan-gia quá dỗi, từ sớm chưa ăn, nên tiều nhân đánh bạo tâu lên, tiều nhân thực là đáng chết...

Rồi Trần Lai phủ phục dưới chân vua, thiếp đi vì sợ, hai tay dâng lên một nắm cơm đồ lớn bọc lá chuối xanh.

Vua Triệu Bảo xoa đầu Trần Lai, mắt vua rơm rớm lệ. Vua nhìn Chiêu-thành vương khi ấy đã tra

guơm vào vỏ. Án cần vua tiếp lấy nắm cơm, rồi lay tên tiều tốt:

— Lai con ngừng đầu nghe trăm bảo:

Trần Lai ngẩng đầu lên, mắt đàn dụa, run bần người lên.

Vua phán:

— Trăm cảm ơn con. Con đừng sợ. Có lẽ nào trăm lại quở người có lòng thảo như con. Con chưa hiểu trăm; Trăm có khó tính đâu. Cơm gạo là của quý, xấu nữa trần cũng ăn, trăm thấy con trung thành có nghĩa, trăm vui lòng lắm. Chỉ một việc này trăm cũng đủ no rồi. Cơm của mẹ nắm cho là quý, con nên giữ lấy mà ăn thì phải hơn. Nhưng trăm không muốn phụ lòng con, sợ con tủi, nên trăm nghĩ thế này: Trăm nhận ăn nắm cơm dâng, nhưng trên thuyền ta có năm người, trăm, vương-gia, con và người kia, không cứ trăm, mà năm người cùng dỗi cả. Trăm tính e là nắm cơm đồ này làm năm phần, mỗi người một ít thế mới công bình.

Nói xong, vua bóc lá chuối vớt xuống sông, tuốt chiếc đoản kiếm đeo bên mình, chia nắm cơm làm năm phần, trao cho mọi người.

Gữa khúc sông im lặng, trong bóng tối lạnh lùng, vua ăn đầu tiên một bữa cơm đạm bạc, ngon lành hơn tất cả cao lương mỹ vị đã nếm qua...

Nửa đêm, vua tới Hải-dòng. Các quan hay tin vua giáng lâm tấp nập ra đón nghì vào bành cung. Vì lao tâm lao lực luôn mấy ngày ròng, vua gầy-gầy sứt. Vua muốn đi thẳng vào Vạn-kiếp, nhưng các quan khuyên can, nên đành tạm nghỉ ở Hải-dòng rồi truyền cho vời Quốc-công về hỏi chuyện. Ở Hải-dòng biết thêm nhiều tin tức mới, vua càng lo ngại. Đến đây vua mới chúg nhận chân thấy sức mạnh tuyệt đối của quân Nguyễn, đánh đâu được đấy, thực có cái thế trức chế, ngời tan. Còn quân nhà thỉ từ ngày thất thủ trên mặt Bắ, thua ở Chi-lăng tướng sĩ tan vỡ, phần thỉ chết chóc, phần thỉ bị bắt, phần thỉ trốn tránh tan nát, mười phần không còn được một. Những người trung nghĩa, theo Quốc-công về Vạn-kiếp, thỉ ốm yếu tàn-tật, thanh binh rất nguy khốn.

Quân Nguyễn có khi giới tinh xảo, binh lính quen chiến đấu, lại thêm đại bác trợ lực, phá thành cướp trại dễ như trở bàn tay. Đã thế, giặc lại tàn ác. Thoát-Hoan giận vì Triều đình nước Nam ngang ngạnh, được dịp trả thù, dùng súng cho quân càn rồ. Thành thủ quân Mông-cổ tự đó hoành hành, tàn hại lương dân, phá ừng làng tưng tưng, đi đến đâu là lửa cháy rực trời, khói bốc ngùn ngụt, làm tội cả đến tiều-nhĩ, hãm hiếp đàn bà con gái, những thảm họa ở vùng Bắc chỉ có những cảnh ở An-ty địa ngục sánh kịp.

Vua thờ dài, thương cảm, lui vào hành - cung, nường trần trọc suốt đêm. Hễ chớp mắt thì lại mê thấy cảnh dân gian chạy loạn, quân Mông-cổ hung ác đuổi theo, ngọn giáo dài xâu những sọc dầu lâu mới chết, những tướng binh-dung dử tợn: Ô - Mã - Nhi, A bát xích, Áo lỗ xích, với những tên cồ quái như quỷ sứ nhà trời...

Trong một lúc với đau đớn vua rên rỉ một mình:

— Trời ơi! Dân có tội gì?

Và thốt lời nguyện:

— Đẹp giấc mộng xong, nguyện xin thế phát xuất gia, phổ độ chúng sinh, cầu cúng cho oan hồn tử sĩ.

Sáng hôm sau vua trở dậy, người đau đớn như rắn. Vua cũng Chiêu - thành vương ra bến sông chờ đợi, nóng nảy và sốt ruột, vua đi đi lại lại, dăm dăm nhìn về phía Vạn-kiếp, hơi một tiếng động

nhỏ cũng giật mình như Hưng-đạo vương tới, Đợi đã lâu Vua là người có tiếng tuấn hảo, vậy mà lúc ấy cũng sinh gât gông. Gần trưa, các quan dâng cơm, vua nề lời mời, nhưng chỉ dùng một lưng giữa lúc lòng vua khó chịu đến cùng độ thì Trần-Lai sẽ sẽ đến:

— Tâu Quana - gia, Linh như thuyền Quốc-công.

Vua rảo Lược xuống tận bờ sông. Xa xa, hai chằm đen dầy dầy hiện rõ hai chiếc thuyền vùn vút đi lại, một chốc tới gần Hưng-đạo đeo kiếm đứng trước mũi thuyền, gió đánh bạt chòm râu đen dài tuyệt đẹp, Dã-Thuợng Yết-Kiều đứng hầu. Thuyền vừa cập bến, Quốc-công nhảy xuống, tiến lại phía vua, định sụp lạy.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯỜNG

Đặc san về Mùa Thu

Tri-Tân dự định cho ra một số đặc san về mùa thu vào khoảng tháng tám là.

Số đó sẽ có các mục chính như:

1. — Thơ văn mùa thu.

2. — Các lễ lịch sử trong mùa thu.

3. — Hài trống quân và nhiều mục khác.

Chúng tôi xin báo trước để các bạn hữu muốn cùng chúng tôi góp nhặt trong số đó liệu gửi bài về soạn cho tiện xếp đặt.

Xin hãy đón coi số đặc san kỳ tới rất có ích.

TÒA-SOẠN

Cùng các bạn đọc

Số 157 này đang lờ ra kỷ trước song nhân vì ngày kỷ niệm đoàn chiến binh, thành lập lần thứ tư các công sở và các báo đều nghỉ, nên nhà in Tri Tân cũng đóng cửa.

Vì vậy chúng tôi không kịp báo trước để đọc giả. Xin các bạn lượng thứ.

THI TÂN

MUON CON HIEN, CHAU THAO
TRONG NHÀ PHAI CÓ SÁCH

TÂN HIẾU-KINH

(có nguyên-văn chữ Hán)

Giá: 1 \$ 20

ĐA CÓ BẢN

Du-Thuyết yếu-thuật	3 \$ 80
Lịch-sử Báo-Chí	2 \$ 00
Nghệ-thuật và danh giáo	2 \$ 50
Phụ-nữ Việt-Nam	2 \$ 50
Khổng-Tử học-thuyết I	4 \$ 50
Việt-Hoa thông-sử sử lược	5 \$ 00

QUỐC-HỌC

THU-XA HANOI XUẤT-BẢN

Thư-xã Alexandre de Rhodes

Mời xuất bản hai cuốn:

TRUYỆN RỪNG XANH

Phạm Xuân Đồ phỏng-thuật

Theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R. Kipling gồm có những truyện kỳ lạ và lý thú, nhiều tranh ảnh, dày 170 trang, khổ 17x23

LỤC SỨC TRANH CÔNG

bản dịch Pháp văn của Hoàng Hữu Xứng và A. de R.

Binh-phần cuốn này, Cố Cadère đã nói: « So với Kim Vân Kiều và Chinh-phụ-ngâm, thì Lục sức tranh công của tự nhiên, phổ-thông và có vẻ « an-nam » nhiều hơn lắm... » dày 150 trang, khổ 17x23 bla ô mỹ-thuật và nhiều tranh ảnh.

mỗi cuốn bản thường 4 \$ 00 cuốn 0 \$ 50

bản gifting Đại la 12 \$ 00 cuốn 1 \$ 00

Tổng phát hành

MAI-LINH

21, Rue des Pipes — Hanoi

Mới xuất bản

KINH DỊCH

một bộ sách cổ nhất Đông Phương !
lạ nhất nhân loại !

Toàn bộ 5 cuốn dày ngót 2000 trang

Giấy thường 30\$00

Giấy Dó (hộp lụa) 75, 00

Giấy Bạch minh châu (hộp gấm) 200,00 (hết)

thêm cước gửi 5, 00

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho :

Nhà in MAI-LINH - Hanoi



TỦ SÁCH

« TÂN-VĂN-HÓA »

25 - 9 - 1944

sẽ phát hành

HỌC THUYẾT KINH-TẾ

TIÊU DAN

của Nguyễn-hải Âu

Giá 4 \$ 00



CÁC BẠN NGÀY 10-10-1944

ĐÓN ĐỌC SỐ ĐẦU của

VĂN MỚI

tạp chí nghị luận

CHIẾN ĐẤU CHO SỰ ĐẮC THẮNG CỦA

TỰ TRAO TÂN-VĂN-HÓA

Hàn thuyên phát hành 71 Tiểu tsin Hanoi

do QUẢNG VẠN THÀNH

hành

Sách vở

đã có bán

LÒNG VÀNG

Ed de Amicis soạn Hải Học dịch một quyển
giáo khoa, đào luyện trí khí trẻ em.

« Tôi thấy rằng quyển sách qui này có một cái
« sức cảm hóa to lớn... »

Trích lời của ông Hoàng Đạo Thúy

(Thanh-nghị số 76 ngày 29 7-1944

Giá 4\$00 cước 0 80

ĐỜI ĐOÀN THÈ

đang in

Hải Tùng soạn

một thiên « Thời bệnh luận » rất đáng nên đọc.
«...chủ đích là muốn đề xướng một vấn-đề mà
người Việt-Nam ta cần giải quyết ngay để sinh tồn
trong buổi cạnh tranh này... »

Giá 2 \$ 00 cước 0.80 trích lời nói đầu của Tác-giả.

Vì nào muốn biết nội-dụng sách, hay hỏi giá hàng, xin cho biết địa-chỉ và 010 tem về

QUẢNG VẠN THÀNH « Nội-Hoá » - mở năm bính dần 1926

Phố Lê Lợi số 16 Hanoi

Phố Doumer - 51 Hai phong

Phố Yên lưu Kinh môn Haiduong

đã có

Hàng hóa

ÁO ĐI MƯA ÍCHLAN

Bằng lụa ta, sơn tà mười mấy năm kinh-nghiệm,
nhiều chứng-thư ngợi khen..

Rất nhẹ, rất bền, rất đẹp,

mới chế

VẢI ĐAY SƠN

màu giả da (simili-cuir)

dùng để may áo mưa rất làm vui xe áo tại cánh
gà xe, và bọc đệm ghế rất đẹp bền.

KHÀM TRUYỀN THẦN

Giống như hạt, đẹp tuyệt trần thật là một công-

nghệ đặc biệt của ta không nước nào sánh-kịp.